

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 8 tháng 2 năm 2023 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1413/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 và văn bản số 23/UBND-VP2 ngày 07 tháng 02 năm 2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tiếp thu, giải trình ý kiến rà soát của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh; Ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tại Báo cáo thẩm định số 3348/BC-HĐTD ngày 04 tháng 5 năm 2023; Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 10292/BKHĐT-QLQH ngày 07 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền và phần không gian biển của tỉnh Ninh Bình được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan. Phía Bắc giáp với tỉnh Hà Nam; phía Đông giáp với tỉnh Nam Định; phía Nam giáp với tỉnh Thanh Hóa và biển Đông; phía Tây giáp với tỉnh Hòa Bình.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Ninh Bình bảo đảm thống nhất, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025; các Nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình; trong đó tập trung vào các nội dung:

- Phát huy sức mạnh văn hóa, con người vùng đất Cố đô Hoa Lư, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển mạnh mẽ.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; khơi thông, giải phóng tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

- Xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo đặc trưng đô thị di sản thiên nhiên kỷ, thành phố sáng tạo, cực tăng trưởng khu vực các tỉnh phía Nam đồng bằng sông Hồng, hình mẫu kết hợp hài hòa giữa phục dựng, bảo tồn di sản và tăng trưởng xanh, hướng vào chất lượng phát triển, giữ vững địa bàn vững chắc về quốc phòng và an ninh.

b) Tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững, với mô hình phát triển “xanh”, lấy du lịch và công nghiệp văn hóa làm mũi nhọn, lấy công nghiệp cơ khí ô tô hiện đại và các ngành công nghiệp công nghệ cao làm động lực, lấy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo làm đột phá, lấy nông nghiệp làm trụ đỡ. Định hình cơ cấu kinh tế hiện đại, hiệu quả gắn với những sản phẩm chủ lực, đặc sắc, thương hiệu, có năng lực cạnh tranh cao dựa trên nền tảng ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế di sản, kinh tế sáng tạo, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.

c) Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh. Huy động tối đa mọi nguồn lực; kết nối nguồn lực địa phương với nguồn lực vùng, quốc gia và quốc tế, nguồn lực nhà nước và nguồn lực xã hội. Phát huy tốt nhất mọi tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của địa phương, nhất là về khoảng cách địa lý với các đô thị lớn (Hà Nội và Hải Phòng), vị trí cửa ngõ phía Nam của khu vực miền Bắc, mắt xích trọng yếu kết nối Vùng đồng bằng sông Hồng với Vùng Bắc Trung Bộ và Vùng Tây Bắc.

d) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hoá, con người, cảnh quan thiên nhiên vùng đất Cố đô Hoa Lư và những giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản Văn hoá và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An; đẩy mạnh phục dựng, bảo tồn và phát huy giá trị Cố đô Hoa Lư.

đ) Tăng cường liên kết vùng, tổ chức hợp lý không gian phát triển và phân vùng chức năng trên cơ sở đặc điểm lịch sử - văn hóa, điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi vùng. Từng bước đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng dịch vụ đô thị hiện đại, bền vững; hình thành đô thị đảm bảo năng lực bảo tồn, phát huy giá trị đặc sắc vùng đất Cố đô và di sản văn hóa vật thể đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) công nhận.

e) Bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái đa dạng; bảo vệ nguồn nước, khai thác, quản lý sử dụng hiệu quả đất đai; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả và bền

vững tài nguyên biển; thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam tham gia; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

g) Phát huy vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Mở rộng hợp tác quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển; thúc đẩy kết nối, hội nhập sâu rộng vào mạng lưới đô thị di sản, trung tâm đổi mới sáng tạo, du lịch, công nghiệp văn hoá, kinh tế di sản trong khu vực và trên thế giới.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, động lực để đưa tỉnh Ninh Bình phát triển nhanh và bền vững. Đến năm 2030 là tỉnh khá, cực tăng trưởng các tỉnh phía Nam đồng bằng sông Hồng, cơ bản đạt tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo; một trong những trung tâm lớn, có giá trị thương hiệu cao về du lịch, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản của cả nước và khu vực Đông Nam Á; một trung tâm công nghiệp cơ khí ô tô hiện đại hàng đầu đất nước; cơ bản hình thành đồng bộ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Địa bàn vững chắc về quốc phòng, an ninh. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, kinh tế phát triển, xã hội văn minh, nhân dân hạnh phúc.

b) Chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh năm 2010) bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 9,2%.

+ GRDP bình quân đầu người khoảng 200 triệu đồng.

+ Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP: Nông - lâm - thủy sản 5,3%; công nghiệp - xây dựng 45,3%; dịch vụ 38,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 11,1%.

+ Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 38 nghìn tỷ đồng.

+ Tỷ lệ đô thị hoá đạt 56,1%.

+ Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP.

+ Phần đầu Công nghiệp văn hoá chiếm trên 10% GRDP.

+ Phần đầu là một trong 10 tỉnh, thành phố có thu nhập bình quân đầu người cao nhất cả nước.

- Về xã hội:

+ Phân đầu 100% các huyện, thành phố đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao.

+ Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 100%, tiểu học (mức độ 2) đạt 90%, trung học cơ sở đạt 100%, trung học phổ thông đạt 100%; tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75%.

+ Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 2%/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) đạt dưới 2%.

+ Số lượng giường bệnh và bác sỹ trên 1 vạn dân: 45 giường bệnh và 13,5 bác sỹ trên 1 vạn dân.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt 19,6%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%.

+ Tỷ lệ số khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

+ Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 98%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 85%.

- Quốc phòng an ninh được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Hội nhập và hợp tác quốc tế sâu rộng với các nước trong khu vực và trên thế giới.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Đến năm 2035: Trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên nhiên kỷ, thành phố sáng tạo; một trung tâm lớn, có giá trị thương hiệu cao về du lịch, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản của cả nước và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; một trung tâm hàng đầu đất nước về công nghiệp cơ khí giao thông hiện đại; một trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các tỉnh phía Nam Vùng đồng bằng sông Hồng. Địa bàn vững chắc về quốc phòng, an ninh. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, trong sạch toàn diện, kinh tế phát triển, xã hội phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

- Đến năm 2050: Là thành phố trực thuộc Trung ương văn minh, hiện đại, thông minh, có bản sắc riêng, ngang tầm các đô thị di sản, thành phố sáng tạo trên thế giới; có vị thế, giá trị thương hiệu cao trong mạng lưới di sản sở hữu danh hiệu UNESCO; là một trong những địa phương đi đầu đưa phát thải khí nhà kính về mức “0” của Việt Nam, tiêu biểu về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát huy sức mạnh mềm trong hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu. Địa bàn vững chắc về quốc phòng, an ninh, chính trị ổn định, kinh tế thịnh vượng, xã hội phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Phát triển công nghiệp cơ khí ô tô, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường là động lực cho tăng trưởng. Phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa là mũi nhọn gắn với những sản phẩm và dịch vụ cao cấp, đặc sắc, có giá trị thương hiệu cao.

b) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số đồng bộ; nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

c) Phát triển toàn diện văn hóa - xã hội; coi trọng văn hóa cơ sở, xây dựng nếp sống văn minh; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của con người vùng đất cổ đô. Tập trung bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy di sản Cố đô Hoa Lư và Di sản Văn hoá và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An.

d) Tổ chức không gian, phân vùng chức năng hợp lý; phát triển bền vững hệ thống đô thị; phát triển hài hòa giữa các vùng, miền, giữa đô thị và nông thôn; xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao, kiểu mẫu gắn với phát triển nông nghiệp sinh thái đa giá trị; đổi mới bộ mặt kiến trúc, cảnh quan đô thị, nông thôn hiện đại, giàu bản sắc.

đ) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất. Phát triển đô thị văn minh, hiện đại. Thực hiện chiến lược phát triển đô thị di sản thiên niên kỷ, kinh tế sáng tạo, kinh tế di sản trên cơ sở phục dựng và bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử - văn hoá, cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Tập trung phát triển kinh tế vùng ven biển Kim Sơn trở thành động lực, không gian và cực tăng trưởng mới của tỉnh.

g) Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Ngành công nghiệp - xây dựng

- Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng đẩy mạnh các nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, công nghệ sạch và sản xuất hàng công nghiệp xuất khẩu. Có cơ chế, chính sách vượt trội thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường.

- Tập trung và ưu tiên phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí sản xuất lắp ráp ô tô; công nghiệp điện tử; công nghiệp vật liệu mới, vật liệu kỹ thuật cao; các ngành công nghiệp chế biến phục vụ sản xuất nông nghiệp; duy trì ổn định sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ lực truyền thống gắn với bảo vệ môi trường; phát triển một số ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có sử dụng hợp lý lao động.

- Hình thành cụm liên kết trong sản xuất một số ngành công nghiệp ưu tiên, tạo nền tảng và cơ sở kết nối chuỗi sản phẩm, chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Phát triển ngành xây dựng theo hướng hiện đại, kỹ thuật chuyên sâu, khả năng cạnh tranh cao và đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, cả nước.

b) Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, an toàn, tuần hoàn, đa giá trị, ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp số, nông nghiệp du lịch sinh thái cảnh quan. Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc sản, đặc hữu, đặc trưng phục vụ du lịch, các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô phù hợp với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản, OCOP có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao; đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với Vùng đồng bằng sông Hồng và Vùng Thủ đô Hà Nội.

- Tập trung phát triển nuôi trồng thủy, hải sản gắn với quy hoạch vùng và xây dựng, phát triển thương hiệu. Tăng cường hiệu quả quản lý, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển.

- Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo mô hình phát triển nông nghiệp sinh thái đa giá trị.

c) Ngành dịch vụ

- Về thương mại, dịch vụ

+ Xây dựng và phát triển các loại hình hạ tầng thương mại phù hợp, kết hợp hài hòa các loại hình hạ tầng thương mại truyền thống và thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn đô thị và nông thôn. Ưu tiên thu hút phát triển các trung tâm thương mại, mua sắm, siêu thị tổng hợp.

+ Từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động thương mại; quan tâm, tập trung phát triển các hình thức thương mại dựa trên nền tảng công nghệ mới, nền tảng số hoá; khuyến khích phát triển thương mại điện tử.

+ Tạo đột phá thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đối với những dịch vụ mới khác biệt, chất lượng cao, thương hiệu.

+ Khuyến khích tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ (tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải, logistics,...).

- Về du lịch

+ Xây dựng và phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình là ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu và hình ảnh riêng gắn với tiềm năng, giá trị Cố đô Hoa Lư và Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An.

+ Phát triển 04 nhóm sản phẩm du lịch chính: (1) nhóm sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử là nhóm sản phẩm du lịch đặc thù, mang thương hiệu riêng cho du lịch Ninh Bình; (2) nhóm sản phẩm du lịch tham quan thắng cảnh thiên nhiên; (3) nhóm sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe gắn với các khu nghỉ dưỡng cao cấp và các hệ sinh thái biển, rừng, các nguồn khoáng nóng; (4) nhóm sản phẩm du lịch sáng tạo theo tư duy đột phá, có hàm lượng chất xám cao, tiết kiệm tài nguyên.

+ Phát triển 03 nhóm sản phẩm du lịch phụ trợ: (1) Nhóm sản phẩm du lịch chuyên đề về khám phá tự nhiên, lễ hội, ẩm thực; (2) Nhóm sản phẩm du lịch liên ngành: du lịch MICE (gắn với sự kiện hội nghị, hội thảo), du lịch nông nghiệp, du lịch thể thao, du lịch giáo dục, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm phim trường...; (3) Nhóm sản phẩm du lịch liên vùng.

d) Phương hướng phát triển các ngành công nghiệp văn hoá gắn với kinh tế sáng tạo, kinh tế di sản

- Đến năm 2025: Xác lập các điều kiện, tiền đề, nền tảng cho hình thành đồng bộ hệ sinh thái các sản phẩm công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo, kinh tế di sản từ thiết kế, sản xuất, phân phối, tiêu dùng, cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu và định giá thương hiệu; quy hoạch phát triển các ngành có lợi thế; đầu tư xây dựng một số hạ tầng kỹ thuật, thiết chế, sản phẩm công

nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo chủ lực; cơ cấu lại, chuyển đổi phương thức hoạt động một số lĩnh vực dịch vụ văn hoá theo định hướng công nghiệp văn hoá.

- Giai đoạn 2026-2030: Tạo đột phá đưa công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo, kinh tế di sản trở thành ngành kinh tế quan trọng đóng góp vào tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, cơ cấu lại nền kinh tế, quảng bá tiềm năng, sức mạnh mềm của tỉnh Ninh Bình. Định hình cơ bản các ngành, sản phẩm công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo và kinh tế di sản có lợi thế, sức cạnh tranh, giá trị thương hiệu cao trong khu vực và thế giới.

Phấn đấu đến năm 2030 các thiết chế văn hoá và hệ sinh thái công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo, kinh tế di sản được xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại, thông minh. Định hình phát triển sản phẩm công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo, kinh tế di sản đặc sắc, có lợi thế, giá trị thương hiệu cao (như phim trường, truyền hình, điện ảnh; kinh tế thể thao; sản phẩm thị trường quà lưu niệm, quà tặng du lịch; tổ chức sự kiện, lễ hội; nghệ thuật đa phương tiện, nghệ thuật thị giác; thiết kế sáng tạo, kiến trúc, quảng cáo; bảo tàng, thủ công mỹ nghệ; phần mềm và trò chơi giải trí kỹ thuật số; kinh tế thương hiệu...).

- Tầm nhìn đến năm 2050: Trở thành một trung tâm lớn về công nghiệp văn hoá, kinh tế sáng tạo và kinh tế di sản của đất nước, có giá trị thương hiệu cao trong khu vực và trên thế giới, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách, giải quyết việc làm, khẳng định vị thế, sức mạnh mềm của đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển hệ thống y tế Ninh Bình theo hướng hiện đại hóa, bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ y tế có chất lượng. Hệ thống y tế của tỉnh bảo đảm tính hệ thống và tính liên tục trong hoạt động chuyên môn trong từng tuyến cũng như giữa các tuyến và phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại với y học cổ truyền, giữa dự phòng với điều trị, giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, giữa các vùng miền trong tỉnh.

- Chú trọng đầu tư phát triển các bệnh viện vệ tinh, bệnh viện chuyên khoa nhằm chia sẻ, hỗ trợ, giảm tải cho các bệnh viện Trung ương. Nâng cao năng lực của hệ thống y tế dự phòng nhằm chủ động đối phó với các dịch bệnh phát sinh. Đẩy mạnh thu hút, xã hội hóa và liên kết trong lĩnh vực y tế.

b) Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển toàn diện năng lực người học đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số, hướng tới một nền giáo dục mở, hiện đại, tiên tiến.

- Xây dựng hệ thống giáo dục đảm bảo tính mở và phục vụ học tập suốt đời, phát huy tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng miền.

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn cụ thể, đảm bảo đủ giáo viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Tăng cường thu hút đầu tư, huy động mọi nguồn lực cho giáo dục và đào tạo; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển của tỉnh và khu vực... Phân đấu xây dựng Trường Đại học Hoa Lư trở thành trường đại học đa ngành, có thương hiệu, uy tín, xác lập vai trò, vị trí quan trọng trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của địa phương.

c) Văn hóa, thể dục, thể thao

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống tốt đẹp của con người, các giá trị lịch sử - văn hoá truyền thống của địa phương; phục dựng, phát huy mạnh mẽ giá trị của Cố đô Hoa Lư, giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản Văn hoá và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An, tạo ra nguồn lực nội sinh xây dựng Ninh Bình vươn lên trở thành đô thị di sản văn minh - hiện đại. Tăng cường giao lưu, hợp tác về văn hoá; đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu giá trị di sản văn hoá, hình ảnh con người vùng đất Ninh Bình tới các địa phương trong nước và các nước trên thế giới.

- Tập trung phát triển các phong trào thể dục thể thao nhằm nâng cao thể chất, sức khoẻ, tăng tuổi thọ của người dân. Chú trọng phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp theo hướng tiên tiến, bền vững; đưa thể thao Ninh Bình đạt vị trí cao trong khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước. Phát triển kinh tế thể thao gắn với phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch.

d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học công nghệ quốc gia và của vùng. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia thành lập, mở rộng các quỹ phát triển khoa học công nghệ; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu; phát triển thị trường khoa học công nghệ hiệu quả, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp về thông tin khoa học và công nghệ, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, các quy trình nâng cao năng suất (quy trình quản lý ISO, truy xuất nguồn gốc...) để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của địa phương.

- Phát triển các kênh chuyển giao công nghệ cho nông dân và các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động nông nghiệp. Xây dựng, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp và nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành đồng bộ hệ sinh thái cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo; kiến tạo cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi tạo các mô hình thử nghiệm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên các lĩnh vực, ngành nghề mới có lợi thế cạnh tranh.

đ) An sinh xã hội

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác người có công, hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững. Phát triển thị trường lao động lành mạnh, bền vững, đồng bộ gắn với đào tạo nghề, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung đào tạo kỹ năng lao động.

- Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực.

e) Quốc phòng, an ninh

- Thực hiện hiệu quả chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân vững chắc; làm tốt phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng lực lượng quân sự, công an tinh, gọn, mạnh. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch. Bảo đảm địa bàn vững chắc về quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Hệ thống các vùng chức năng

Tỉnh Ninh Bình được phân thành ba vùng chức năng là các khu vực lãnh thổ tích hợp bao gồm:

- Vùng trung tâm bao gồm vùng quy hoạch đô thị Ninh Bình (trọng tâm là thành phố Hoa Lư - hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư) và thành phố Tam Điệp; là vùng chức năng tổng hợp giữ vai trò là động lực phát triển của tỉnh, định hình đô thị Ninh Bình mang đặc trưng “Đô thị Di sản thiên niên kỷ” dựa trên các giá trị độc đáo về tự nhiên - sinh thái, văn hóa - lịch sử, sở hữu di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, là trung tâm du lịch vùng, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản và tổ chức sự kiện lớn của quốc gia và quốc tế; trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, du lịch và dịch vụ của tỉnh Ninh Bình; đô thị loại I trực thuộc tỉnh; đô thị đầu mối giao thông, cửa ngõ phía Nam Vùng đồng bằng sông Hồng. Thành phố Tam Điệp là trung tâm công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao, hậu cần logistics.

- Vùng Tây Bắc bao gồm huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn; là khu vực phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, nông thôn, khám phá và trải nghiệm, chăm sóc và rèn luyện sức khỏe, nơi tập trung các khu bảo tồn quan trọng: khu vực Rừng quốc gia Cúc Phương, khu công viên động vật hoang dã, khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình với định hướng trở thành khu du lịch quốc gia, vùng đất ngập nước Vân Long; đồng thời phát triển công nghiệp trở thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn của tỉnh Ninh Bình (khu vực Gián Khẩu, huyện Gia Viễn và khu vực huyện Nho Quan tiếp giáp với thành phố Tam Điệp).

- Vùng Đông Nam bao gồm huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh và huyện Kim Sơn; là vùng nông nghiệp trọng điểm của tỉnh gắn với phát triển kinh tế biển, khu đô thị, dịch vụ ven biển, chuyển tiếp hài hòa với vùng đô thị di sản và khu vực công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao; là khu vực có điều kiện phát triển các khu du lịch văn hóa, sinh thái, thể dục thể thao, du lịch biển Kim Sơn - Cồn Nổi, gắn với nhà thờ đá Phát Diệm, các hồ Đồng Thái, Yên Thắng, du lịch nông thôn, đồng thời có điều kiện phát triển các khu công nghiệp, cảng logistic và nuôi trồng hải sản.

b) Hệ thống các trung tâm tăng trưởng

- Các hoạt động kinh tế - xã hội tập trung chủ yếu ở các đô thị hiện hữu và các đô thị mới: Hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh - đô thị di sản thiên niên kỷ; thành phố công nghiệp - dịch vụ Tam Điệp là đô thị loại II, các đô thị trung tâm của các huyện, gồm đô thị: Nho Quan, Me, Yên Thịnh, Yên Ninh, Phát Diệm, Bình Minh và một số đô thị chức năng, đô thị thành lập mới trong quá trình phát triển.

- Động lực phát triển các vùng chức năng là các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ.

c) Các hành lang phát triển

- 01 Hành lang Bắc - Nam: hình thành gắn với đường cao tốc Bắc - Nam, đường sắt và QL.1A; là hành lang trụ cột hình thành vùng chức năng trung tâm, kết nối tỉnh Ninh Bình với các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Vùng duyên hải Bắc Trung Bộ.

- 03 Hành lang Đông - Tây:

+ Hành lang kinh tế Đông - Tây phía Nam tỉnh Ninh Bình hình thành, phát triển gắn với tuyến đường Đông - Tây kết nối Ninh Bình với vùng Tây Bắc và vùng kinh tế hành lang ven biển.

+ Hành lang kinh tế Đông - Tây phía Bắc tỉnh Ninh Bình hình thành, phát triển theo trục đường Bái Đính - Kim Sơn ven sông Đáy, kết hợp đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng.

+ Hành lang kinh tế xuyên tâm Đông - Tây hình thành, phát triển theo các trục đường: QL.21C, QL.12B,... gắn kết với các tuyến đường vành đai đô thị Ninh Bình và đường ven sông Đáy, sông Hoàng Long và cảng biển.

- Hành lang ven biển phát triển theo trục kết nối vùng duyên hải Việt Nam.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Đến năm 2025: Hoàn thành sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định gắn với cơ cấu lại không gian địa giới hành chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn mới.

+ Thực hiện hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư, đồng thời sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gắn với định hình tính chất đơn vị hành chính mới sau hợp nhất là “Đô thị Di sản thiên nhiên kỷ”. Cùng với đó, hoàn thiện các tiêu chí công nhận đơn vị hành chính mới sau hợp nhất là đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

+ Thực hiện việc sắp xếp các xã, phường, thị trấn theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

- Đến năm 2030: Hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới

100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Các đô thị thuộc tỉnh Ninh Bình được định hướng phát triển bền vững dựa trên nền tảng không gian hình thành Cố đô Hoa Lư lịch sử, các di sản văn hóa qua các thời đại cùng các di sản thiên nhiên để xác định tính chất, chức năng, vai trò, vị trí trong công cuộc phục dựng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô Hoa Lư xứng tầm Đô thị Di sản thiên niên kỷ tiêu biểu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Trong đó, đô thị di sản trung tâm bao gồm các khu vực lịch sử, khu vực du lịch, khu vực thương mại sáng tạo di sản mới được phân tách thành các trung tâm độc lập đan xen với các công viên chuyên đề, các quần cư di sản, dân cư, tái định cư.

Toàn tỉnh có 07 đô thị trung tâm gồm 01 đô thị loại I (đô thị hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư), 01 đô thị loại II (thành phố Tam Điệp), 05 đô thị loại IV (các huyện: Gia Viễn, Kim Sơn, Nho Quan và các thị trấn mở rộng: Yên Ninh, Yên Thịnh). Có 02 đô thị chức năng (Gián Khẩu, Bình Minh) và các đô thị khác thành lập theo nhu cầu phát triển. Quy mô đô thị xác định cụ thể theo Quy hoạch chung đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc nâng cấp đô thị và thành lập đơn vị hành chính thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định khác có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Tổ chức, sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn bảo đảm phát triển bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra.

Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện có; mở rộng và xây dựng mới các khu dân cư nông thôn đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, phong tục tập quán, văn hóa, định hướng phát triển của tỉnh, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp, nâng cao điều kiện sống của người dân nông thôn. Xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng đô thị văn minh, hiện đại và phát triển du lịch.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Hình thành hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, đảm bảo sự phát triển bền vững gắn với phát triển đô thị - dịch vụ; tạo mối liên kết phát triển giữa công nghiệp của tỉnh với vùng Bắc Trung Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng. Theo định hướng quy hoạch, toàn tỉnh có 11 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch khoảng 2.813 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Hình thành hệ thống các cụm công nghiệp có quy mô hợp lý, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng và từng địa phương trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Theo định hướng quy hoạch, toàn tỉnh có 24 cụm công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch khoảng 1.254 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

3. Phương án phát triển khu du lịch

Ưu tiên thu hút đầu tư, phát triển các khu du lịch, như: (1) Khu Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An là trung tâm du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh hàng đầu của Việt Nam, mang tầm quốc tế (Công viên lịch sử trung tâm Cố đô Hoa Lư, các công viên chuyên đề, các khu vực đô thị và quần cư di sản, các khu chức năng phát triển công nghiệp văn hoá, kinh tế di sản, bảo tàng, phim trường...); (2) Khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình là tổ hợp du lịch, dịch vụ tổng hợp đa lĩnh vực cao cấp, gắn với bảo vệ và khai thác cảnh quan thiên nhiên, văn hóa - lịch sử; (3) Khu Công viên động vật hoang dã quốc gia; các khu du lịch nghỉ dưỡng Vân Long, rừng Cúc Phương, hồ Đồng Chương, Đồng Giao - Tam Điệp, Quảng Lạc - sông Bến Đàng, hồ Yên Thắng - Đồng Thái, khu ven biển Kim Sơn - Cồn Nổi...

Có chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Đầu tư và thu hút đầu tư các dự án bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh phục vụ phát triển du lịch. Hình thành các tuyến du lịch văn hoá độc đáo “hành trình con đường di sản”; các tuyến du lịch du thuyền bằng đường thủy kết nối thành phố Ninh Bình với các khu du lịch; tuyến du lịch liên vùng hành trình di sản qua các kinh đô Việt cổ.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

4. Phương án phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Tăng cường đầu tư cho công tác tu bổ tôn tạo di tích, khai quật khảo cổ học để bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa vùng đất Ninh Bình. Ưu tiên đầu tư thực hiện nghiên cứu, khai quật và bảo tồn di tích khảo cổ tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư và khu vực phụ cận; tu bổ, tôn tạo các di tích xuống cấp, các di tích có giá trị tiêu biểu ở các khu vực phát triển du lịch trọng điểm, các di tích ở vùng sâu, vùng xa điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn.

- Các khu vực cần bảo tồn, hạn chế phát triển bao gồm công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa cần bảo tồn, tôn tạo, đặc biệt đối với 04 khu bảo tồn thiên nhiên gồm: Vườn Quốc gia Cúc Phương; Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long; Khu rừng Văn hóa, Lịch sử và Môi trường Hoa Lư; Khu dự trữ sinh quyển thế giới Châu thổ sông Hồng (rừng ngập mặn Kim Sơn - Cồn Nổi).

5. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tại các khu vực có tiềm năng, điều kiện tự nhiên thuận lợi đối với trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy, hải sản theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, đa giá trị; tập trung cho một số sản phẩm chủ lực đối với từng vùng, như:

- Vùng Tây - Bắc: Phát triển các sản phẩm lúa chất lượng cao, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi cá nước ngọt...

- Vùng Đông - Nam: Phát triển các sản phẩm lúa chất lượng cao và lúa đặc sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi tôm (sú, thẻ chân trắng), nuôi ngao, giống nhuyễn thể (ngao, hào,...)...

6. Phương án phát triển những khu vực khó khăn

- Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia: xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn; củng cố mạng lưới y tế cơ sở, mạng lưới trường lớp các cấp; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

7. Phương án xác định khu quân sự, an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thể trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an

toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Diện tích các khu đất quốc phòng, an ninh được bố trí, sử dụng theo chỉ tiêu được phân bổ và theo yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

- Giao thông đường bộ: Có 02 tuyến đường cao tốc; 08 tuyến đường quốc lộ và tuyến đường bộ ven biển chạy qua; có 28 tuyến đường tỉnh và 08 tuyến đường kết nối và hệ thống các bến xe, bến bãi.

- Giao thông đường sắt: Có tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh; đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam chạy qua; 03 tuyến đường sắt chuyên dụng; 05 ga đường sắt.

- Giao thông đường thủy:

+ Các tuyến đường thủy trung ương quản lý và cảng cạn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình: Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Các tuyến đường thủy nội địa địa phương: Có 15 tuyến đường thủy nội địa địa phương với quy mô từ cấp VI-II.

+ Cảng và bến thủy nội địa trên các tuyến sông: Xây dựng các cảng hàng hóa tổng hợp, cảng chuyên dùng, cảng hành khách, bến thủy hàng hóa, bến hành khách và các cảng, bến thủy khác trên các tuyến sông của tỉnh đảm bảo đồng bộ, tuân thủ quy định của pháp luật.

- Cảng biển: Xây dựng cảng tổng hợp tại khu vực huyện Kim Sơn phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa.

- Dự trữ quỹ đất phát triển 01 sân bay chuyên dùng tại huyện Yên Khánh và 01 sân bay chuyên dùng phục vụ phát triển du lịch tại huyện Nho Quan.

(Chi tiết tại Phụ lục V, VI, VII)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Phát triển nguồn điện, bao gồm nguồn năng lượng tái tạo, phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) nhằm khai thác tốt tiềm năng về năng lượng của tỉnh Ninh Bình. Tích cực thu hút đầu tư khai thác tiềm năng điện khí linh hoạt phù hợp với kế hoạch phát triển chung của quốc gia.

- Xây dựng và nâng cấp mạng lưới điện đảm bảo năng lực cấp điện, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của lưới điện truyền tải.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng động lực, ưu tiên xây dựng đô thị thông minh, hiện đại. Từng bước đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh. Phát triển trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Triển khai an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) của tỉnh kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

- Chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện. Phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Cải tạo, nâng cấp những công trình thủy lợi hiện có, xây mới các công trình thủy lợi phục vụ cấp nước tưới và tiêu thoát nước trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo kịp thời phục vụ sản xuất. Sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các trạm bơm để phục vụ cho công tác thủy lợi nội đồng, giải quyết các vấn đề hạn hán, ngập úng cục bộ.

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị, nông thôn và các khu chức năng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt; ưu tiên xây dựng công trình cấp nước tập trung. Xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước, nhất là tại các xã chưa có nước sạch, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, tiêu dùng của người dân và doanh nghiệp.

Số lượng, quy mô công suất của các công trình cấp nước sạch được xác định cụ thể theo quy hoạch vùng huyện, quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn và dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận.

c) Phương án phát triển mạng lưới thoát nước

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo mạng lưới thoát nước đô thị và khu chức năng (khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, di tích...) bảo đảm tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và quy hoạch được duyệt; xây dựng các trạm bơm tiêu, thoát nước phục vụ chống ngập úng tại các đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, các khu, cụm công nghiệp. Toàn bộ nước thải cơ sở y tế và nước thải các cơ sở công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả vào cống chung của đô thị, khu chức năng hoặc xả ra môi trường.

- Nâng cấp cải tạo các công trình thoát nước hiện có xuống cấp, xây dựng bổ sung công trình thoát nước mới để hoàn thiện mạng lưới thoát nước theo quy hoạch.

Việc thực hiện thoát nước đô thị và khu chức năng đặt trong mối quan hệ tổng thể của việc quản lý tiêu thoát lũ sông, suối có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu, đảm bảo thoát nước triệt để và hạn chế tối đa các thiệt hại do lũ, lụt.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh theo hướng tập trung. Giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm tối đa khối lượng chất thải phải chôn lấp, đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn của tỉnh theo từng giai đoạn. Chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường được thu gom và đưa về các khu thu gom, xử lý chất thải từng đơn vị cấp huyện; chất thải rắn nguy hại, y tế được đưa về các cơ sở có chức năng xử lý theo phân vùng. Ưu tiên xây dựng các nhà máy xử lý chất thải có thu hồi năng lượng và phát điện, hạn chế tối đa lượng chất thải chôn lấp.

- Ưu tiên đầu tư các công trình xử lý chất thải rắn tập trung nhằm đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải của các khu vực đô thị như thành phố Ninh Bình, Tam Điệp,... và các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, cơ sở y tế và các đô thị trung tâm huyện khác.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

b) Nghĩa trang

- Xây mới, cải tạo mở rộng các nhà tang lễ, nghĩa trang cấp huyện trở lên và cơ sở hỏa táng cấp tỉnh đồng bộ với đầy đủ các khu chức năng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy định; sử dụng công nghệ hỏa táng hiện đại, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; có quy trình an táng hiện đại, phù hợp với phong tục tập quán, văn hóa tâm linh.

- Nghĩa trang nông thôn: Mỗi xã bố trí 1 đến 2 nghĩa trang tập trung trên cơ sở mở rộng các nghĩa trang xã, thôn hiện có hoặc xây dựng mới ở vị trí phù hợp để quy tập mộ di chuyển trong khu vực, đảm bảo phục vụ nhu cầu an táng lâu dài, tạo điều kiện chôn cất văn minh, hợp vệ sinh, tiết kiệm đất đai.

- Di dời các mộ nhỏ lẻ, nghĩa trang gây ô nhiễm môi trường, không có khả năng khắc phục trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu về các nghĩa trang tập trung của huyện và thành phố. Khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng. Ưu tiên xây dựng các nhà tang lễ, nghĩa trang tập trung phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

6. Phương án phát triển phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm các huyện, thành phố, khu đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu thương mại, cơ sở sản xuất có nguy cơ cháy, nổ cao và tại các khu rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất); bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng phòng cháy chữa cháy đáp ứng các quy định hiện hành.

- Đầu tư trụ sở, trang thiết bị và bổ sung đầy đủ nhân sự cho các đội phòng cháy, chữa cháy của các thành phố, đô thị trung tâm huyện, đảm bảo mỗi đơn vị cấp huyện có 1 trụ sở đơn vị cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Trang bị và xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, kết nối hệ thống hạ tầng thông tin, viễn thông của tỉnh để phục vụ công tác chỉ huy, điều hành công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin, xử lý thông tin để hướng tới hệ thống báo cháy và chữa cháy thông minh.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

- củng cố, phát triển quy mô các cơ sở y tế tuyến tỉnh chuyên sâu, hiện đại; xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo.

- Khuyến khích thu hút đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của người dân; phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới.

- Chuẩn hóa và tích hợp hệ thống thông tin y tế đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; tích hợp các bệnh án, sổ khám bệnh điện tử, liên thông phần mềm và cơ sở dữ liệu giữa các cơ sở khám, chữa bệnh trong tỉnh.

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa, các trung tâm nghiên cứu và trung tâm y tế phục vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo công lập đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; bảo đảm phòng học, lớp học cho học sinh các cấp theo quy định của ngành. Đẩy mạnh, khuyến khích xã hội hóa đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập.

- Đảm bảo mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 trường mầm non công lập. Khuyến khích thành lập trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tư thục tại khu vực đông dân cư, đặc biệt là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Đảm bảo mỗi xã, phường, thị trấn đều có ít nhất 01 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở công lập hoặc 01 trường liên cấp tiểu học - trung học cơ sở công lập. Quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của các trường trung học phổ thông công lập hiện có trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích thành lập trường phổ thông tư thục, nhất là tại những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, nơi tập trung đông dân cư.

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Đại học Hoa Lư để phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học đa ngành, có thương hiệu, uy tín trong khu vực, đạt chuẩn quốc gia.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Phát triển hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập và thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, chuẩn hóa, hiện đại hóa phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo

- Phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của địa phương. Cơ cấu lại, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đảm bảo thực hiện các chức năng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; phát triển các cơ sở nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

- Phát triển hạ tầng đo lường, lượng giá các sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển của doanh nghiệp. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, thành tựu đổi mới sáng tạo, bảo đảm phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường đại học với các cơ sở nghiên cứu trong vùng. Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có chế độ đãi ngộ thu hút nhân tài, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4. Phương án phát triển hạ tầng bảo trợ xã hội

Đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây mới các trung tâm bảo trợ xã hội công lập đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng chính sách; đưa vào hoạt động Trung tâm công tác xã hội tỉnh Ninh Bình, cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí tại Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng Tam Điệp.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

5. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

- Tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình văn hoá, thể thao cấp tỉnh có quy mô lớn, hiện đại trở thành công trình biểu tượng kiến trúc, văn hóa, đủ điều kiện tổ chức các sự kiện của quốc gia và quốc tế, đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Xây dựng thư viện tỉnh với mô hình hoạt động phù hợp với xu thế và định hướng phát triển của tỉnh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là

công nghệ số, thực hiện tự động hóa hoạt động thư viện, tăng cường khả năng liên thông, liên kết ở mọi loại thư viện trên địa bàn.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị chuyên ngành cho hệ thống công trình văn hóa công cộng, nhất là hệ thống thiết chế văn hoá ở cơ sở.

- Triển khai nhanh và đồng bộ các khu chức năng, các chương trình, dự án thuộc nội dung của Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Hình thành, phát triển cơ sở hạ tầng thương mại đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, tiêu dùng của người dân, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà đầu tư, nhà nước và người dân.

- Tăng cường kêu gọi và thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở dịch vụ, thương mại hiện có trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các trung tâm logistics tại thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp và huyện Kim Sơn.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

- Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng; khi cần thiết điều chỉnh thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

a) Vùng liên huyện trung tâm

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm ranh giới hành chính của thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư, thành phố Tam Điệp và khu vực phát triển đô thị lân cận.

- Tính chất: Là vùng chức năng tổng hợp giữ vai trò là động lực phát triển của tỉnh; với định hình tính chất là “Đô thị Di sản thiên nhiên kỷ” trên cơ sở hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư; là trung tâm công nghiệp, hậu cần logistic, dịch vụ chất lượng cao của tỉnh.

b) Vùng liên huyện Tây Bắc

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm ranh giới hành chính huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn.

- Tính chất: Là vùng phát triển dịch vụ du lịch gắn với cảnh quan và tài nguyên thiên nhiên; là vùng trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh.

c) Vùng liên huyện Đông Nam

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm ranh giới hành chính huyện Kim Sơn, huyện Yên Khánh và huyện Yên Mô.

- Tính chất: Là vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; phát triển dịch vụ du lịch chuyển tiếp hài hòa với vùng di sản và công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao; phát triển kinh tế biển mang tính đột phá, động lực cho phát triển kinh tế của tỉnh. Phát triển các hoạt động sản xuất công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Quy hoạch 05 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm:

(1) Vùng huyện Gia Viễn là khu vực trọng điểm phát triển du lịch và công nghiệp của tỉnh Ninh Bình.

(2) Vùng huyện Nho Quan là vùng kinh tế tổng hợp, phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, thương mại và công nghiệp của tỉnh.

(3) Vùng huyện Yên Khánh là vùng phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao; đầu mối giao thông của tỉnh.

(4) Vùng huyện Yên Mô là vùng phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đầu mối giao thông của tỉnh.

(5) Vùng huyện Kim Sơn là khu vực phát triển kinh tế tổng hợp, kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ du lịch, thương mại và đô thị.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường theo 03 vùng:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung ở đô thị, bao gồm: Nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn quản lý của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học rừng, biển, vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học, gồm:

- Vùng đất ngập nước quan trọng: Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Vân Long; khu vực đất ngập nước ven biển Kim Sơn (thuộc khu dự trữ sinh quyển thế giới Châu thổ sông Hồng trên địa bàn 03 tỉnh ven biển Nam Định - Ninh Bình - Thái Bình).

- Khu bảo tồn thiên nhiên: Vườn Quốc gia Cúc Phương (phần diện tích thuộc tỉnh Ninh Bình); khu vực rừng văn hóa, lịch sử và môi trường Hoa Lư.

- Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học: Công viên động vật hoang dã Quốc gia tại tỉnh Ninh Bình; Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật thuộc Vườn quốc gia Cúc Phương; Trung tâm cứu hộ thú linh trưởng Cúc Phương thuộc Vườn quốc gia Cúc Phương.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Phát triển hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường: Bố trí các điểm quan trắc môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường nước ven bờ biển, môi trường nước dưới đất, môi trường đất, trầm tích ven bờ và cửa sông... Xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động quan trắc môi trường nước biển và trạm quan trắc môi trường không khí.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Thực hiện bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, rừng sản xuất. Củng cố, bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu rừng đặc dụng; phục hồi, phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn phục vụ cho bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế; tăng cường xây dựng và củng cố các khu rừng phòng hộ chắn sóng, chống xói lở, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa; đẩy mạnh công tác trồng cây phân tán, cải tạo cảnh quan môi trường và đáp ứng một phần nhu cầu gỗ gia dụng.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông lâm nghiệp, các hạng mục phòng chống cháy rừng (chòi canh lửa, bể chứa nước, biển báo cấp độ nguy cơ cháy rừng, biển cấm lửa,...), các hạng mục bảo vệ rừng (bảng tuyên truyền; xây mới, nâng cấp, sửa chữa trạm bảo vệ rừng; cắm mốc ranh giới 3 loại rừng,...), các hạng mục hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái, vườn ươm.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Bảo vệ, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên khoáng sản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, không làm ảnh hưởng môi trường sinh thái, các danh lam, thắng cảnh và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan. Cấp phép khai thác, quản lý khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phù hợp với nhu cầu địa phương và quy định của pháp luật hiện hành.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Phân bổ tài nguyên nước mặt đối với các lưu vực sông, hồ, đầm và tài nguyên nước dưới đất đối với các tầng chứa nước chính qh2, qp, t2, t1 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo mục đích sử dụng. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng theo thứ tự: Nhu cầu nước cho sinh hoạt; nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp; nhu cầu nước cho nuôi trồng thủy sản; nhu cầu nước cho sản xuất công nghiệp; nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng; tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành.

- Phát triển, cải tạo các công trình tạo nguồn nước để bổ sung nguồn cấp nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước. Xây dựng các trạm/vị trí quan trắc tài nguyên nước và xả thải nước trên các dòng sông chính như: Sông Bôi, sông Hoàng Long, sông Vạc,...; xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng lưới quan trắc đối với nguồn nước mặt, nước dưới đất và nước biên ven bờ; tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn. Hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có. rà soát các công trình đập dâng, hồ chứa nước đã xuống cấp để có kế hoạch gia cố, nâng cấp. Xóa bỏ những khu vực có nguy cơ lũ quét cao bằng các công trình ổn định mái dốc, chống sạt lở.

- Triển khai hệ thống theo dõi, giám sát tình hình ngập lụt, hạn hán. Điều chỉnh công tác quản lý, vận hành các hồ chứa nước và nước ngầm phù hợp với việc điều tiết chống lũ, chống hạn. Sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước. Thay đổi các cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình hạn hán.

- củng cố hệ thống đê điều, công trình dưới đê và các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ đê. Cải tạo một số đoạn thuộc tuyến đê sông Hoàng Long, đảm bảo chiều cao chống lũ đối với đoạn đê kết hợp đường giao thông Bái Đính - Kim Sơn. Cải tạo các tuyến đê, kè, cống, lòng dẫn, cửa thoát lũ nhằm bảo đảm nhiệm vụ tưới, tiêu và vận hành an toàn trong mùa mưa lũ.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro thiên tai

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai bao gồm: lốc xoáy, mưa đá, nắng nóng, hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sét, sạt lở đất, sụt lún đất, sương muối, sương mù, cháy rừng do tự nhiên...

- Vùng có nguy cơ xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn: Trọng điểm là các huyện Kim Sơn, Yên Khánh, Yên Mô, Nho Quan và thành phố Tam Điệp.

- Vùng có nguy cơ xảy ra bão, áp thấp nhiệt đới: Trọng điểm là huyện Kim Sơn (vùng nuôi trồng thủy sản, đê biển Bình Minh II, đê Bình Minh III).

- Vùng dễ xảy ra ngập úng, lũ lụt, sạt lở đất: Trọng điểm là các huyện Nho Quan, Gia Viễn (hệ thống đê Tả, Hữu sông Hoàng Long), thành phố Tam Điệp.

- Vùng dễ xảy ra sạt lở bờ sông: Trọng điểm tại các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Kim Sơn, Yên Mô,...

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Củng cố, tu sửa, tu bổ và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Tăng cường phòng ngừa kết hợp với phương châm “4 tại chỗ”. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn vốn của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư

Tập trung huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo đột phá, các dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tập trung thu hút nguồn lực xã hội hóa để phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh, trong đó chú trọng phát triển các ngành du lịch, công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Có chính sách đào tạo và thu hút nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có tay nghề, kỹ năng gắn với chuyên dịch cơ cấu lao động; đẩy mạnh đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển đào tạo, dạy nghề. Khuyến khích các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho các trường ngoài công lập vay vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, đổi mới trang thiết bị dạy học và nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

- Chủ động triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách khoa học công nghệ. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội gắn với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia các chuỗi giá trị. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn mới.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Phát huy lợi thế về vị trí chiến lược, trung điểm của tứ giác tăng trưởng trọng điểm vùng kinh tế Bắc Bộ, lợi thế về khoảng cách địa lý với các đô thị lớn (Hà Nội và Hải Phòng), hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Thực hiện liên kết vùng, tăng cường hợp tác liên vùng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch; gắn xây dựng nông thôn mới với đô thị văn minh, hiện đại.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; đồng thời, mở rộng hợp tác với các địa phương khác.

- Tập trung nghiên cứu, đề xuất, ban hành một số cơ chế, chính sách về liên kết vùng động lực và vùng khó khăn; liên kết các doanh nghiệp; liên kết phát triển nông nghiệp tập trung, quy mô lớn.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý, phát triển nông thôn và đô thị hiện đại để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền; ứng dụng các phương pháp tiên tiến trong quản lý, phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết đô thị và nông thôn.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, văn minh, sinh thái, thân thiện với môi trường. Xây dựng hệ thống điểm dân cư nông thôn, tổ chức lãnh thổ nông thôn đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ; phát huy và sử dụng tốt các điều kiện thiên nhiên, tiềm năng lợi thế và nguồn lực đặc thù của mỗi địa phương; gắn kết với khu vực đô thị và kết cấu hạ tầng chung của toàn tỉnh.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo hướng đồng bộ. Công bố, phổ biến và triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định.

XIII. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nêu tại Phụ lục XXIII.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình:

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định.

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh quy hoạch tỉnh

theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Quy hoạch;

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, bản án (nếu có) thì chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí được đầy đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Thủ tướng Chính phủ về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại văn bản số 23/UBND-VP2 ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trong quá trình thực hiện Quy hoạch tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b)_{Q.Cường}

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà


Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đô thị	Phân loại đô thị			Ghi chú (*)
		2021	Giai đoạn đến năm 2030	Giai đoạn 2031 - 2050	
I	Đô thị trung tâm				
1	Thành phố Ninh Bình	II	I	I	Hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư
	Huyện Hoa Lư				
2	Thành phố Tam Điệp	III	II	II	
3	Gia Viễn		IV	IV	
4	Kim Sơn		IV	IV	
5	Nho Quan		IV	IV	
6	Thị trấn Yên Ninh	Đô thị loại V	IV (MR)	IV (MR)	(MR): đô thị mở rộng
7	Thị trấn Yên Thịnh	Đô thị loại V	IV (MR)	IV (MR)	(MR): đô thị mở rộng
II	Đô thị chức năng				
1	Đô thị Gián Khẩu	Chưa là đô thị	V (2021 - 2030)		Nằm trong đô thị Gia Viễn
2	Thị trấn Bình Minh	Đô thị loại V	V (2021 - 2030)		Nằm trong đô thị Kim Sơn
III	Đô thị khác				
1	Thị trấn Nho Quan	Đô thị loại V	V (2021 - 2030)		Nằm trong đô thị Nho Quan
2	Đô thị Rịa	Chưa là đô thị	V (2021 - 2030)		
3	Đô thị Gia Lâm	Chưa là đô thị	V (2021 - 2030)		
4	Thị trấn Me	Đô thị loại V	V (2021 - 2030)		Nằm trong đô thị Gia Viễn
5	Đô thị Vân Long	Chưa là đô thị	V (2021 - 2030)		
6	Đô thị Khánh Thành	Chưa là đô thị	V	V	
7	Đô thị Khánh Thiện	Chưa là đô thị	V	V	
8	Thị trấn Phát Diệm	Đô thị loại V	V (2021 - 2030)		Nằm trong đô thị Kim Sơn
9	Đô thị Bút	Chưa là đô thị	-	V	

TT	Đô thị	Phân loại đô thị			Ghi chú (*)
		2021	Giai đoạn đến năm 2030	Giai đoạn 2031 - 2050	
10	Đô thị Lông	Chưa là đô thị	-	V	
11	Các đô thị chức năng, đô thị loại V được thành lập mới theo nhu cầu phát triển, đô thị hóa của tỉnh				

*** Ghi chú:**

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, các quy hoạch khác có liên quan.

- Quy mô, diện tích, ranh giới các đô thị sẽ xác định theo các quy hoạch chung đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đô thị hợp nhất thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư nằm trong phạm vi quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2040.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, ngoài các đô thị dự kiến trong các giai đoạn nêu trên, căn cứ vào các quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Bình có thể điều chỉnh bổ sung các đô thị mới; mở rộng phạm vi đô thị, nâng loại các đô thị hiện có, bổ sung các đô thị khác, điều chỉnh giai đoạn nâng loại đô thị khi đô thị đó đáp ứng đủ tiêu chí của đô thị tương ứng và trình cấp có thẩm quyền công nhận.



Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích đất dự kiến được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg (ha)	Nhu cầu (ha)
I	Các khu công nghiệp đã thành lập, đang hoạt động			
1	KCN Khánh Phú	Huyện Yên Khánh và thành phố Ninh Bình	355,54	355,54
2	KCN Phúc Sơn	Thành phố Ninh Bình	129,4	129,4
3	KCN Tam Điệp I	Huyện Tam Điệp	66,38	66,38
4	KCN Khánh Cư	Huyện Yên Khánh	52,28	52,28
5	KCN Gián Khẩu	Huyện Gia Viễn	243,68	243,68
II	Các khu công nghiệp đã được quy hoạch, chưa thành lập			
1	KCN Tam Điệp II	Thành phố Tam Điệp	260,13	386
2	KCN Kim Sơn	Huyện Kim Sơn	128,24	200
III	Các khu công nghiệp bổ sung quy hoạch (thành lập khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp)			
1	KCN - Đô thị - dịch vụ Gián Khẩu II	Huyện Gia Viễn	51,38	495
2	KCN - Đô thị - dịch vụ Phú Long	Huyện Nho Quan	485	485
3	KCN Yên Bình	Huyện Yên Mô	100	250
IV	Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
	KCN Xích Thổ	Huyện Nho Quan		150
	Tổng cộng		1.872,0	2.813,3

Ghi chú: Quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.



Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
I	Các cụm công nghiệp đã thành lập và dự kiến mở rộng			
1	CCN Khánh Hải II	Huyện Yên Khánh	50	
2	CCN Khánh Hải I	Huyện Yên Khánh	50	
3	CCN Yên Ninh	Huyện Yên Khánh	6,76	
4	CCN Phú Sơn	Huyện Nho Quan	43,19	
5	Đá mỹ nghệ Ninh Vân	Huyện Hoa Lư	30,64	
6	CCN Gia Vân	Huyện Gia Viễn	74,77	
7	CCN Gia Phú	Huyện Gia Viễn	75	Dự kiến mở rộng
8	CCN Gia Lập	Huyện Gia Viễn	75	Dự kiến mở rộng
9	CCN Văn Phong	Huyện Nho Quan	75	Dự kiến mở rộng
10	CCN Sơn Lai	Huyện Nho Quan	29,28	
11	CCN Ninh Phong	Thành phố Ninh Bình	13	
12	CCN Cầu Yên	Thành phố Ninh Bình	13,735	
13	CCN Khánh Thượng	Huyện Yên Mô	70,61	
14	CCN Khánh Nhac	Huyện Yên Khánh	20,44	
15	CCN Khánh Lợi	Huyện Yên Khánh	63	
16	CCN Trung Sơn	Thành phố Tam Điệp	45	
17	CCN Đồng Hướng	Huyện Kim Sơn	73,3	Dự kiến mở rộng
II	Các cụm công nghiệp thành lập mới			
1	CCN Chất Bình	Huyện Kim Sơn	75	
2	CCN Khánh Lợi II	Huyện Yên Khánh	55	
3	CCN Ninh Vân	Huyện Hoa Lư và huyện Yên Mô	75	
4	CCN Gia Phú - Liên Sơn	Huyện Gia Viễn	40	
5	CCN Yên Lâm	Huyện Yên Mô	50	
6	CCN Khánh Vân	Huyện Yên Khánh	75	
7	CCN Xuân Chính	Huyện Kim Sơn	75	
	Tổng cộng			1.253,73

Ghi chú: Quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới cụm công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.



Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên các khu du lịch	Vị trí
I	Khu du lịch cấp quốc gia	
1	Khu du lịch quốc gia Quần thể danh thắng Tràng An	Các huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan; thành phố Ninh Bình; thành phố Tam Điệp và các vùng lân cận
2	Khu du lịch quốc gia Kênh Gà - Vân Trình	Huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn
II	Khu du lịch cấp tỉnh	
1	Khu du lịch Tam Cốc Bích Động	Huyện Hoa Lư
2	Khu du lịch khu vực xã Cúc Phương, xã Kỳ Phú	Huyện Nho Quan
3	Khu du lịch sinh thái Vân Long và khu vực lân cận	Huyện Gia Viễn
4	Khu du lịch hồ Yên Thắng - hồ Đồng Thái	Thành phố Tam Điệp, huyện Yên Mô
5	Khu du lịch Thung Nham - Động Thiên Hà, khu vực Bến Đàng	Huyện Nho Quan, huyện Hoa Lư
6	Khu du lịch Linh Cốc - Hải Nham	Huyện Hoa Lư
7	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển Côn Nôi	Huyện Kim Sơn
8	Các khu chức năng du lịch xác định theo quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Các huyện, thành phố

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích và danh mục dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện. Ngoài ra còn có các khu vực khác khi đủ điều kiện được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập khu du lịch.



Phụ lục V

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô quy hoạch	
					Cấp	Làn xe
I	Cao tốc			50,5		
1	Cao tốc CT.01	Ninh Phúc - Ninh Bình	Quang Sơn - Tam Điệp	24,5	Cấp 120	6
2	Cao tốc CT.08	Giao cao tốc Bắc Nam tại nút giao Mai Sơn - Yên Mô	Xã Khánh Trung, Khánh Cường - Yên Khánh	26	Cấp 120	4
II	Quốc lộ					
1	QL.1	Cầu Đuan Vĩ, Gia Thanh - Gia Viễn	Dốc Xây, Nam Sơn - Tam Điệp	33,6	III	4
2	QL.10	Cầu Non Nước, Đông Thành - Ninh Bình	Cầu Điền Hộ, Lai Thành - Kim Sơn	38,5	III	2-4
3	QL.12B	Đê Bình Minh II	Cầu Lập Cập, Đồng Phong - Nho Quan	75,12	III	2-4
4	QL.21B	Phà Qũy Nhất, Quang Thiện - Kim Sơn	Giao QL.1 tại Km 278+200 (TP Tam Điệp)	33,45	III	2-4
5	QL.38B	Đê sông Đáy, Ninh Khang - Hoa Lư	Giao QL.12B tại xã Quỳnh Lưu - Nho Quan	22,8	III-IV	2-4
6	QL.45	Giao với QL.21C tại Gia Vượng - Gia Viễn	Phú Long - Nho Quan	23,0	III-IV	2-4
7	QL.37C	Đê sông Đáy xã Gia Trấn - Gia Viễn	Xã Xích Thổ - Huyện Nho Quan	30,9	III	2-4
8	QL.21C	Gia Hòa - Gia Viễn	Nút Mai Sơn trên đường cao tốc Bắc Nam	35,3	III	4-6
9	Đường Ven biển	Giao đê Bình Minh 1 tại thị trấn Bình Minh - Kim Sơn	Giao đê Bình Minh 1 tại xã Cồn Thoi - Kim Sơn	9,0	III	2-4
III	Đường tỉnh					
1	ĐT.476	Giao QL.38B tại xã Gia Sinh - Gia Viễn	Cồn Nổi	63,5	III	2-4
2	ĐT.477	Giao QL.37C, xã Gia Vân, huyện Gia Viễn	Giao QL.12B, xã Đồng Phong, huyện Nho Quan	16,1	III-IV	2-4

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô quy hoạch	
					Cấp	Làn xe
3	ĐT.477B	Giao QL.38B tại xã Gia Sinh - Gia Viễn	Giao ĐT.479D tại xã Cúc Phương - Nho Quan			
-	Đoạn 1	Giao QL.38B tại xã Gia Phong - Gia Viễn	Giao ĐT.479 tại xã Thượng Hòa, Nho Quan	8,1	III	2-4
-	Đoạn 2	ĐT.479	Giao ĐT.479D tại xã Cúc Phương - Nho Quan	6,1	IV-III	2-4
4	ĐT.477C	Giao QL.38B tại xã Sơn Lai - Nho Quan	Giao ĐT.477D tại xã Gia Hòa - Gia Viễn	12	IV-III	2-4
5	ĐT.477D	Giao QL.1A tại Gia Thanh - Gia Viễn	Giao ĐT.477 tại xã Gia Phú - Gia Viễn	22,2	IV	2
6	ĐT.477E	Giao ĐT.477 tại xã Gia Hưng - Gia Viễn	Giao QL.12B, ĐT.479D tại xã Đồng Phong, thị trấn Nho Quan	12	IV	2
7	ĐT.478	Giao QL.1A (đường tránh) tại xã Ninh Giang - Hoa Lư	Giao QL.1A và QL.12B tại xã Mai Sơn - Yên Mô	15,5	III	4
8	ĐT.478B	Cầu vượt cao tốc Cao Bồ - Mai Sơn	Chùa Bích Động, xã Ninh Hải - huyện Hoa Lư			
-	Đoạn 1	Cầu vượt cao tốc Cao Bồ - Mai Sơn	QL.1	7,6	II	4
-	Đoạn 2	QL.1	Chùa Bích Động, xã Ninh Hải - huyện Hoa Lư	5,5	III	2
9	ĐT.478C	Giao QL.38B tại xã Trường Yên - Hoa Lư	Giao QL.1 tại xã Ninh Vân, Hoa Lư	17,3	IV-III	2-4
10	ĐT.479	Đường gom cao tốc Mai Sơn - Thanh Hóa	Giao QL.37C tại xã Lạc Vân - Nho Quan	27	IV-III	2-4
11	ĐT.479B	Giao ĐT.477, xã Lạc Vân, huyện Nho Quan	Thạch Bình - Nho Quan	11,5	IV	2
12	ĐT.479C	Giao QL.38B tại xã Gia Sinh - Gia Viễn	Giao ĐT. 479D tại xã Kỳ Phú - Nho Quan	17,16	IV-III	2-4
13	ĐT.479D	Giao QL.45 tại xã Phú Long - Nho Quan	ĐT.477 tại Đồng Phong - Nho Quan	19,6	IV-III	2
14	ĐT.480 (Đường	Đô thị Cồn Nổi	Giao QL.12B - Nho Quan			

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô quy hoạch	
					Cấp	Làn xe
	Đông - Tây)					
-	Đoạn 1	Đô thị Cồn Nổi	Đến đường ven biển	12	III	2-4
-	Đoạn 2	Đến đường ven biển	Huyện Nho Quan	62	II	8
15	ĐT.480B	Giao ĐT.476, Xã Khánh Thiện huyện Yên Khánh	Giao QL.12B tại Yên Phong - Yên Mô	11,3	IV-III	2-4
16	ĐT.480C	Giao QL.10 - Khánh Cư - Yên Khánh	Giao QL.12B tại Yên Thành - Yên Mô	7,78	IV	2
17	ĐT.481	Giao ĐT.476 tại xã Khánh Cường - Yên Khánh	Giao ĐT.483C tại xã Yên Lâm - Yên Mô	18,9	II-III	2-4
18	ĐT.481B	Ngã ba Thông, Khánh Cư, Yên Khánh	Giao QL.10, xã Kim Chính, Kim Sơn	25,4	IV	2
19	ĐT.481C	Giao ĐT.481B tại xã Khánh Cường, Yên Khánh	Giao ĐT.481D tại xã Khánh Thành, Yên Khánh.	9,2	IV	2
20	ĐT.481D	Giao với QL.10 tại xã Lai Thành, huyện Kim Sơn	Bến Đò Mười xã Khánh Thành - huyện Yên Khánh	11,2	IV-III	2-4
21	ĐT.482	Giao ĐT.476 xã Khánh Công - Yên Khánh	Giao ĐT.482C tại xã Kim Chính - Kim Sơn	13	IV	2
22	ĐT.482B	Giao với QL.10 tại xã Ân Hòa, Kim Sơn	Giao ĐT.483C tại Yên Đồng - Yên Mô	8,6	III	4
23	ĐT.482C	Giao QL.1A tại phường Ninh Phong - Ninh Bình	Giao ĐT.476 tại xã Kim Chính - Kim Sơn	27,7	III	2-4
24	ĐT.482D	Giao ĐT.483B	Giao ĐT.481D tại xã Yên Lộc - Kim Sơn	12	IV-III	2-4
25	ĐT.482G	Giao ĐT.476 tại xã Khánh Hải - Yên Khánh	Giao ĐT.482C tại xã Khánh Vân - Yên Khánh	5,5	III	4
26	ĐT.483	Giao QL.10, xã Khánh Nhạc	Giao ĐT.478 (QL.1 cũ), phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình.	16,6	III	2-4
27	ĐT.483B	Giao nút giao Khánh Hòa	Giao ĐT.483C (hồ Yên Thắng)	13	III	2-4

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô quy hoạch	
					Cấp	Làn xe
28	ĐT.483C	Giao QL.10 tại xã Lai Thành - Kim Sơn	Giao ĐT478B tại Ninh Sơn - Ninh Bình	26,5	III	
IV	Tuyến kết nối			36,1		
1	KN01	ĐT.477D	ĐT.495C (Hà Nam)	7,8	IV	2
2	KN02	QL.1 qua ga Đồng Giao	QL.12B	6,8	IV	2
3	KN03	QL.10	ĐT.476	2,8	III	2
4	KN04	ĐT.476	Đê sông Càn	5,7	III	2
5	KN05	ĐT.495B (Hà Nam)	QL.21C	1,8	IV	2
6	KN06	Đường Minh Sơn - Thành Minh - Thanh Hóa	ĐT.479D	4,8	IV	2
7	KN07	QL.12B	ĐT.483C	2,1	IV	2

Ghi chú:

- Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tên, vị trí, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG SẮT TỈNH NINH BÌNH
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

A. TUYẾN ĐƯỜNG SẮT

TT	Tên tuyến	Loại đường dự kiến (đơn, đôi)	Khổ đường dự kiến (mm)
A	Tuyến đường sắt quốc gia		
1	Đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh		Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
2	Đường sắt tốc độ cao		
B	Tuyến đường sắt chuyên dùng		
I	Tuyến nâng cấp, cải tạo		
1	Ga Ninh Bình - cảng Ninh Bình (Tỉnh Ninh Bình báo cáo Thủ tướng Chính phủ các quy trình, trình tự bỏ ra khỏi nội dung quy hoạch quốc gia về đường sắt để phát triển đô thị)		
2	Ga Cầu Yên - NM Phân lân Ninh Bình		
II	Tuyến xây dựng mới		
1	Ga Đồng Giao - trung tâm Logistics Tam Điệp		

B. GA ĐƯỜNG SẮT

TT	Tên ga	Địa điểm dự kiến	Tuyến đường sắt kết nối	Ghi chú
I	Ga đường sắt quốc gia			
1	Ga Ninh Bình	Phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình	Đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	Cải tạo
2	Ga Ninh Bình	Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô	Đường sắt tốc độ cao	Xây mới
II	Ga đường sắt chuyên dùng			
1	Ga Cầu Yên	Xã Ninh An, huyện Hoa Lư	Đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	Cải tạo
2	Ga Ghềnh	Phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp	Đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	Cải tạo
3	Ga Đồng Giao	Thành phố Tam Điệp	Đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	Cải tạo

Ghi chú:

- Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Các tuyến đường thủy nội địa cấp quốc gia

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa		Chiều dài	Cấp kỹ thuật	
				Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
1	Sông Đáy	Từ phao số "0" Cửa Đáy đến Ninh Bình	72Km	Cấp I	Cấp Đặc biệt
		Từ Ninh Bình đến Hà Nam	23Km	Cấp III	Cấp II (Tỉnh không 6m -7m)
2	Kênh Yên Mô	Từ ngã ba Chính Đại đến ngã ba Đức Hậu	14Km	Cấp III	Cấp III (Tỉnh không 5m)

2. Các tuyến đường thủy nội địa địa phương

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa		Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	
				Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
1	Sông Bôi		17,612	Cấp III	Cấp III
2	Sông Hoàng Long	Từ ngã ba Gián Khẩu đến cầu phao Đồng Chùa	14,58	Cấp IV	Cấp III
		Từ cầu phao Đồng Chùa đến cầu Nho Quan	12,07	Cấp IV	Cấp IV
3	Sông Vạc		28,2	Cấp III	Cấp III
4	Sông Rịa		12	Cấp V-VI	Cấp V-VI
5	Sông Chanh		12	Cấp VI	Cấp VI
6	Sông Hệ Dương		9,5	Cấp V	Cấp V
7	Sông Sào Khê		14,5	Cấp VI	Cấp VI
8	Sông Vân		6,937	Cấp V	Cấp V
9	Sông Mới		9,898	Cấp V	Cấp V
10	Sông Lồng		7,73	Cấp VI	Cấp VI
11	Sông Đăng		10	Cấp VI	Cấp VI
12	Sông Càn	Cửa Càn đến Kim Hải - Kim Sơn (Cách cầu sông Càn 200m về phía hạ lưu)	7,8	Cấp VI	Cấp II
		Cách cầu sông Càn 200m về phía hạ lưu đến Văn Hải - Kim Sơn	6,4	Cấp VI	Cấp V
13	Sông Ân		17	Cấp VI	Cấp VI

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	
			Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
14	Sông Vực	5	Cấp VI	Cấp VI
15	Trong các khu du lịch: các luồng tuyến phục vụ phát triển du lịch của tỉnh			

B. CÁC CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

1. Các Cảng thủy nội địa hàng hóa

1.1. Các Cảng thủy nội địa hàng hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên cảng	Địa điểm
A	Các cảng hiện có	
I	Sông Đáy	
1	Cảng Ninh Bình (Tỉnh Ninh Bình báo cáo Thủ tướng Chính phủ các quy trình, trình tự bỏ ra khỏi nội dung quy hoạch quốc gia về cảng bến thủy nội địa để phát triển đô thị)	Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình
2	Cảng Bích Đào 1	Phường Bích Đào, Thành phố Ninh Bình
3	Cảng Bích Đào 2	Phường Bích Đào, Thành phố Ninh Bình
4	Cảng Ninh Phúc	Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình
5	Cảng Ninh Phúc 1 (gồm cảng ThaiGroup)	Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình; Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
6	Cảng Ninh Phúc 2 (gồm cảng Phúc Lộc)	Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình
7	Cảng Phúc Long (Cảng Khánh Phú 3)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
8	Cảng Than Miền Bắc (Cảng Khánh Phú 6)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
9	Cảng Long Sơn (Cảng Khánh Phú 8)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
10	Cảng Nam Phương (Cảng Khánh Phú 7)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
11	Cảng Thương Mại (Cảng Khánh Phú 9)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
12	Cảng Hòa Khánh (Cảng Khánh Phú 13)	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
13	Cảng Khánh An 1	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
14	Cảng Khánh Cư 1 (gồm cảng Hạ Long)	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
15	Cảng Khánh Thiện	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
B	Các cảng xây dựng mới	
I	Sông Đáy	
1	Cảng Khánh Phú 11	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
2	Cảng Khánh Hải	Xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh
3	Cảng Khánh Tiên	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
4	Cảng Khánh Thiện 3 (trong quy hoạch quốc gia là cảng Xuân Đồng Khởi)	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
5	Cảng Đồ Mười	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh

TT	Tên cảng	Địa điểm
6	Cảng Kim Đài	Xã Thượng Kiệt, huyện Kim Sơn
7	Cảng tổng hợp Kim Sơn	Xã Kim Đông, Kim Tân, huyện Kim Sơn
8	Cảng Kim Tân	Xã Kim Tân, huyện Kim Sơn
9	Cảng Côn Thoi	Thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn
10	Cảng Kim Đông	Xã Kim Đông, huyện Kim Sơn
11	Cảng khác	
II Sông Hoàng Long		
1	Cảng Gia Viễn - Gia Tân - Gia Sinh	Xã Gia Tân, Gia Sinh, huyện Gia Viễn
2	Cảng Nho Quan	Xã Lạng Phong, huyện Nho Quan
3	Cảng khác	
III Sông Vạc		
1	Cảng Cầu Rào	Xã Yên Phong, huyện Yên Mô
2	Cảng khác	
IV Kênh Yên Mô		
1	Cảng Bút	Xã Yên Mạc, huyện Yên Mô
2	Cảng khác	

1.2. Các Cảng thủy nội địa hàng hóa theo Quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình

TT	Tên cảng	Địa điểm
A	Các cảng hiện có	
I Sông Đáy		
1	Cảng Gián Khẩu	Xã Gia Trán, huyện Gia Viễn
2	Cảng xăng dầu, dầu khí Ninh Bình	Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình
3	Cảng Khánh Phú 2	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
4	Cảng Khánh Phú 4	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
5	Cảng Khánh Phú 5	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
6	Cảng Khánh Phú 10	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
7	Cảng Khánh Phú 12	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh
8	Cảng Khánh An 2	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
9	Cảng Khánh Cư 2	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
10	Cảng Khánh Hải 2	Xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh
11	Cảng Khánh Tiên 1	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
12	Cảng Khánh Thiện 1	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
II Sông Hoàng Long		
1	Cảng Vissai Gia Tân	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn
III Sông Hệ Dưỡng		
1	Cảng Hệ Dưỡng	Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư

TT	Tên cảng	Địa điểm
IV	Sông Bôi	
1	Cảng Xích Thổ 1	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
2	Cảng Xích Thổ 2	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
B	Các cảng xây dựng mới	
I	Sông Lông	
1	Cảng Lạc Hiền	Thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô
II	Sông Bôi	
1	Cảng Xích Thổ	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan

2. Các Bến thủy nội địa hàng hóa

TT	Tên cảng	Địa điểm
A	Các bến hiện có	
I	Sông Đáy	
1	Bến thủy nội địa Gia Thanh	Xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Ninh Giang	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
3	Bến thủy nội địa Khánh Tiên	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
4	Bến thủy nội địa Xanh	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
5	Bến thủy nội địa Khánh Trung	Xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh
6	Bến thủy nội địa Khánh Công	Xã Khánh Công, huyện Yên Khánh
7	Bến thủy nội địa Khánh Thành 2	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh
8	Bến thủy nội địa Ân Hòa	Xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn
9	Bến thủy nội địa Hùng Tiến	Xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn
10	Bến thủy nội địa Như Hòa	Xã Như Hòa, huyện Kim Sơn
11	Bến thủy nội địa Cồn Thoi	Xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn
II	Kênh Yên Mô	
1	Bến thủy nội địa Yên Nhân	Xã Yên Nhân, huyện Yên Mô
2	Bến thủy nội địa Yên Lâm	Xã Yên Lâm, huyện Yên Mô
3	Bến thủy nội địa Yên Thái	Xã Yên Thái, huyện Yên Mô
III	Sông Hoàng Long	
1	Bến thủy nội địa Gia Trung 1	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Trung 2	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Gia Trung 3	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn
4	Bến thủy nội địa Đức Long 1	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
5	Bến thủy nội địa Đức Long 2	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
6	Bến thủy nội địa Đức Long 3	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
7	Bến thủy nội địa Ninh Giang 1	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
8	Bến thủy nội địa Ninh Giang 2	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư

TT	Tên cảng	Địa điểm
9	Bến thủy nội địa Gia Lạc	Xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn
10	Bến thủy nội địa Gia Minh	Xã Gia Minh, huyện Gia Viễn
11	Bến thủy nội địa Nho Quan	Thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan
IV	Sông Vạc	
1	Bến thủy nội địa Kim Chính 1	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
2	Bến thủy nội địa Kim Chính 2	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
3	Bến thủy nội địa Kim Chính 3	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
4	Bến thủy nội địa Kim Chính 4	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
5	Bến thủy nội địa Yên Ninh 1	thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh
6	Bến thủy nội địa Yên Ninh 2	thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh
7	Bến thủy nội địa Khánh Cư 2	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
8	Bến thủy nội địa Khánh An	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
9	Bến thủy nội địa Ninh Sơn 3	phường Ninh Sơn, Thành phố Ninh Bình
10	Bến thủy nội địa Ninh Sơn 2	phường Ninh Sơn, Thành phố Ninh Bình
11	Bến thủy nội địa Ninh Sơn 1	phường Ninh Sơn, Thành phố Ninh Bình
12	Bến thủy nội địa Ninh Phong	phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình
13	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm 1	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
14	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm 3	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
15	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm 4	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
16	Bến thủy nội địa Yên Phong	Xã Yên Phong, huyện Yên Mô
17	Bến thủy nội địa Khánh Dương 1	Xã Khánh Dương, huyện Yên Mô
18	Bến thủy nội địa Khánh Dương 2	Xã Khánh Dương, huyện Yên Mô
V	Sông Bôi	
1	Bến thủy nội địa Gia Phú 1	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Phú 3	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Gia Phú 4	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
4	Bến thủy nội địa Liên Sơn	Xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn
5	Bến thủy nội địa Viễn	Xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn
6	Bến thủy nội địa Xích Thổ 1	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
7	Bến thủy nội địa Đức Long 1	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
8	Bến thủy nội địa Đức Long 2	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
9	Bến thủy nội địa Đức Long 3	Xã Đức Long, huyện Nho Quan
10	Bến thủy nội địa Gia Thủy	Xã Gia Thủy, huyện Nho Quan
11	Bến thủy nội địa Xích Thổ 2	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
12	Bến thủy nội địa Xích Thổ 3	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
13	Bến thủy nội địa Xích Thổ 4	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
VI	Sông Mới	

TT	Tên cảng	Địa điểm
1	Bến thủy nội địa Khánh Thiện	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
2	Bến thủy nội địa Thị trấn Ninh 2	TT Yên Ninh, huyện Yên Khánh
3	Bến thủy nội địa Khánh Hồng	Xã Khánh Hồng, huyện Yên Khánh
4	Bến thủy nội địa Thị trấn Ninh	TT Yên Ninh, huyện Yên Khánh
VII	Sông Hệ Dưỡng	
1	Bến thủy nội địa Ninh An	Xã Ninh An, huyện Hoa Lư
VIII	Sông Đàng	
1	Bến thủy nội địa Khánh Thượng 1	Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô
2	Bến thủy nội địa Khánh Thượng 2	Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô
IX	Sông Lòng	
1	Bến thủy nội địa Lạc Hiền	Xã Yên Hòa, huyện Yên Mô
2	Bến thủy nội địa TT Yên Thịnh	TT Yên Thịnh, huyện Yên Mô
3	Bến thủy nội địa Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô
B	Các bến xây dựng mới	
I	Sông Đáy	
1	Bến thủy nội địa Gia Trấn 1	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Trấn 2	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Khánh Cư	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
4	Bến thủy nội địa Khánh Lợi	Xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh
5	Bến thủy nội địa Khánh Tiên 1	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
6	Bến thủy nội địa Khánh Tiên 2	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh
7	Bến thủy nội địa Khánh Thành 1	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh
8	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
9	Bến thủy nội địa Bình Minh	TT Bình Minh, huyện Kim Sơn
10	Bến thủy nội địa khác	
II	Sông Hoàng Long	
1	Bến thủy nội địa Gia Tân	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn
2	Bến thủy nội địa Gia Tiến 1	Xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Gia Tiến 2	Xã Gia Tiến, huyện Gia Viễn
4	Bến thủy nội địa Gia Vượng	Xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn
5	Bến thủy nội địa khác	
III	Sông Vạc	
1	Bến thủy nội địa Thượng Kiệm 2	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
2	Bến thủy nội địa Khánh Cư 1	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
3	Bến thủy nội địa khác	
IV	Sông Bôi	
1	Bến thủy nội địa Gia Phú 2	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn

TT	Tên cảng	Địa điểm
2	Bến thủy nội địa Gia Phú 5	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
3	Bến thủy nội địa Gia Phú 6	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
4	Bến thủy nội địa Gia Phú 7	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
5	Bến thủy nội địa Gia Phú 8	Xã Gia Phú, huyện Gia Viễn
6	Bến thủy nội địa Gia Hưng	Xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn
7	Bến thủy nội địa Gia Tường	Xã Gia Tường, huyện Nho Quan
8	Bến thủy nội địa Xích Thổ 5	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan
9	Bến thủy nội địa khác	
V	Sông Mới	
1	Bến thủy nội địa khác	

3. Các Cảng thủy nội địa hành khách do Trung ương quản lý

TT	Tên cảng	Địa điểm	Ghi chú
	Cảng xây dựng mới		
I	Sông Đáy		
1	Cảng khách Ninh Bình	Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình	Thực hiện theo Quy hoạch quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

4. Các Bến thủy nội địa hành khách do địa phương quản lý

TT	Tên Bến	Địa điểm
I	Sông Đáy	
1	Bến hành khách La Mai	Thôn La Mai, xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
2	Bến hành khách Bạch Cừ	Thôn Bạch Cừ, xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư
3	Bến hành khách Vạn Hạnh	Phường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình
4	Bến hành khách Quảng trường	Phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình
5	Bến hành khách Khánh Thiện	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh
II	Sông Hoàng Long	
1	Bến hành khách Hoàng Long	Gần cầu sông Chanh, xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
2	Bến hành khách Gia Sinh	Xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn
3	Bến hành khách Đồng Chùa	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
4	Cụm bến hành khách khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình	Huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan
III	Sông Vạc	
1	Bến hành khách Kim Chính 1	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
2	Bến hành khách Kim Chính 2	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn

TT	Tên Bến	Địa điểm
3	Bến hành khách Kim Chính 3	Xã Kim Chính, huyện Kim Sơn
4	Bến hành khách Thượng Kiệm 1	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
5	Bến hành khách Thượng Kiệm 2	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
6	Bến hành khách Thượng Kiệm 3	Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn
IV	Sông Bôi	
1	Bến thủy nội địa của Công ty cổ phần Bán đảo Kênh Gà - bến số 2	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
V	Nhánh nối sông Hoàng Long - sông Bôi	
1	Bến thủy nội địa của Công ty cổ phần Bán đảo Kênh Gà	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
VI	Sông Lạng	
1	Bến hành khách Nho Quan	Thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan
VII	KDL sinh Thái Tràng An	
1	Bến thuyền du lịch Tràng An	Xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư
VIII	KDL Tràng An Cổ	
1	Bến thuyền du lịch Tràng An Cổ	Xã Trường Yên, huyện Hoa Lư
IX	KDL Tam Cốc - Bích Động	
1	Bến thuyền du lịch Tam Cốc	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
2	Bến thuyền du lịch Linh Cốc - Hải Nham	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
3	Bến thuyền du lịch Thạch Bích - Thung Nắng	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
X	KDL sinh thái Thung Nham	
1	Bến thuyền Vườn Chim	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
2	Bến thuyền Hang Bụt	Xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
XI	KDL sinh thái Động Thiên Hà	
1	Bến thuyền động Thiên Hà	Xã Sơn Hà, huyện Nho Quan
XII	KDL sinh thái Vân Long	
1	Bến thuyền Vân Long 1	Xã Gia Vân, huyện Gia Viễn
2	Bến thuyền Vân Long 2	Xã Gia Hòa, Gia Vân, huyện Gia Viễn
XIII	Khu núi chùa Bái Đính	
1	Bến thuyền hồ Đàm Thị	Xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn
XIV	Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động	
1	Bến thuyền Tam Cốc	Huyện Hoa Lư
XV	Bến khác	Các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh

5. Bể thủy nội địa chuyên dùng do địa phương quản lý

TT	Tên bể	Địa điểm
A	Các bể hiện có	
I	Sông Đáy	
1	Bể chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTND Bích Đào	Phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình
2	Bể chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTND Khánh An	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
3	Bể chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTND Khánh Thành	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh
II	Sông Hoàng Long	
1	Bể chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTND Gia Thắng	Xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn
2	Bể chuyên dùng đóng mới, sửa chữa PTTND Ninh Giang	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
III	Sông Bôi	
1	Bể đóng mới, sửa chữa PTTND Gia Thịnh 1	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
2	Bể đóng mới, sửa chữa PTTND Gia Thịnh 2	Xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
B	Các bể xây dựng mới	
I	Sông Đáy	
1	Bể chuyên dùng đóng mới, sửa chữa,... PTTND Kim Sơn	Xã Như Hòa, xã Quang Thiện, xã Đồng Hướng, huyện Kim Sơn
2	Bể chuyên dùng đóng mới, sửa chữa,... PTTND Kim Tân	Xã Kim Tân, huyện Kim Sơn

6. Bể khách ngang sông do địa phương quản lý

TT	Tên bể	Địa điểm	Loại bể
A	Các bể hiện có		
I	Sông Đáy		
1	Bể khách ngang sông, bể dò Gián	Xã Gia Trán, huyện Gia Viễn	II
2	Bể khách ngang sông, bể dò Vĩnh	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh	II
3	Bể khách ngang sông, bể dò Vệ	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh	II
4	Bể khách ngang sông, bể Thông	Xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh	II
5	Bể khách ngang sông xã Khánh Lợi, bể dò Vọng	Xã Khánh Lợi, huyện Yên Khánh	II
6	Bể khách ngang sông, bể dò Độc Bộ	Xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh	II
7	Bể khách ngang sông, bể dò Xanh	Xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh	II
8	Bể khách ngang sông, bể dò bà Quần	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh	II
9	Bể khách ngang sông, bể dò Đào Khê	Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh	II

TT	Tên bến	Địa điểm	Loại bến
10	Bến khách ngang sông, bến đò Tam Tòa	Xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh	I
11	Bến khách ngang sông, bến đò Bon	Xã Khánh Công, huyện Yên Khánh	II
12	Bến phà Đò Mười	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh	I
13	Bến khách ngang sông, bến đò 16	Xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh	II
14	Bến khách ngang sông, bến đò Chính Tâm	Xã Xuân Chính, huyện Kim Sơn	II
15	Bến khách ngang sông, bến đò Chất Bình	Xã Chất Bình, huyện Kim Sơn	II
16	Bến khách ngang sông, bến đò Âm sa	Xã Kim Định, huyện Kim Sơn	II
17	Bến khách ngang sông, bến đò Kim Tân	Xã Kim Tân, huyện Kim Sơn	II
18	Bến khách ngang sông, bến đò Đồng Hương	Xã Đồng Hương, huyện Kim Sơn	II
19	Bến khách ngang sông, bến đò phà Điện Biên	Thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn	II
II	Sông Hoàng Long		
1	Bến khách ngang sông, bến Trần Hưng	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn	II
2	Bến khách ngang sông, bến Đông Khê (Cầu phao Gia Trung)	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn	II
III	Sông Vạc		
1	Bến khách ngang sông, Bến Đức Hậu - Yên Nhân	Xã Khánh Hồng, huyện Yên Khánh; xã Yên Nhân, huyện Yên Mô	II
IV	Sông Cà		
1	Bến khách ngang sông, bến đò Cà xã Văn Hải	Xã Văn Hải, huyện Kim Sơn	III
2	Bến khách ngang sông, bến đò Cà Giữa, xã Kim Mỹ	Xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn	III
3	Bến khách ngang sông, bến đò Cà Dưới (đò Chín Cô), xã Kim Mỹ	Xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn	III

7. Bến nổi kinh doanh xăng dầu

TT	Tên bến	Địa điểm
A	Các bến hiện có	
I	Sông Đáy	
1	Bến nổi kinh doanh xăng dầu Gia Trấn	Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn
2	Bến nổi kinh doanh xăng dầu Ninh Giang	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư
3	Bến nổi xăng dầu Khánh An	Xã Khánh An, huyện Yên Khánh
II	Sông Vạc	
1	Bến nổi xăng dầu Ninh An	Xã Ninh An, huyện Hoa Lư
B	Các bến xây dựng mới	

1	Bến nổi kinh doanh xăng dầu khác	
---	----------------------------------	--

8. Khu neo đậu

TT	Tên khu neo đậu	Địa điểm
	Khu neo đậu hiện có	
I	Sông Bôi	
1	Khu neo đậu Kênh Gà 1	Bờ phải, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn
II	Nhánh nối sông Hoàng Long - sông Bôi	
1	Khu neo đậu Kênh Gà 2	Bờ phải, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn

Ghi chú:

- Các tuyến đường thủy nội địa cấp quốc gia theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và các nội dung khác của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH NINH BÌNH
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	Ghi chú
I	Nhà máy nhiệt điện khí (tiềm năng)			
1	Dự án nhà máy điện khí linh hoạt (ICE)	Huyện Kim Sơn	300MW	Thực hiện theo Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII
II	Điện mặt trời mái nhà và điện rác			
1	Điện mặt trời mái nhà	Các huyện, thành phố	23MW	
2	Các dự án điện rác tiềm năng	Các huyện, thành phố	Thực hiện theo Quy hoạch, kế hoạch cấp có thẩm quyền phê duyệt	
III	Năng lượng tái tạo			
1	Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, đặc biệt là điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu không giới hạn công suất (điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối trực tiếp, gián tiếp vào lưới điện quốc gia)	Các huyện, thành phố	Không giới hạn	
IV	Các dự án phát triển nguồn điện theo quy hoạch được phê duyệt	Các huyện, thành phố	Thực hiện theo Quy hoạch, kế hoạch cấp có thẩm quyền phê duyệt	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, công suất, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư và các nội dung khác của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Việc đầu tư các dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

B. LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

I. Trạm biến áp 500-220kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến năm 2030	
I	Trạm biến áp 220 kV			
1	Nho Quan NC	2x125	2x250	Cải tạo NCS
2	Ninh Bình 2		2x250	Huyện Yên Khánh
3	Tam Điệp		250	
4	Gia Viễn		2x250	

II. Đường dây 500-220kV

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
I	Đường dây 500 kV			
1	Đường dây 500kV mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1x75	2x75	Xây dựng mới mạch 2, cải tạo 01 mạch thành 02 mạch
2	Đường dây 500kV mạch 1 Vũng Áng - Nho Quan	1x360	2x360	Cải tạo đường dây 01 mạch thành 02 mạch
3	Đường dây 500kV NMNĐ Nam Định 1 - Thanh Hóa		2x73	Xây mới (đoạn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có chiều dài 7,9km)
II	Đường dây 220 kV			
1	Đường dây 220kV mạch 2 Nho Quan - Phú Lý	1x27	2x27	Xây dựng mới mạch 2, cải tạo 01 mạch thành 02 mạch
2	Đường dây 220kV Tam Điệp - Rẽ Bim Sơn - Ninh Bình		4x5	Đầu nối TBA 220kV Tam Điệp
3	Đường dây 220kV Gia Viễn - Rẽ Nho Quan 500kV - Ninh Bình		4x2	Đầu nối TBA 220kV Gia Viễn
4	Đường dây 220kV Gia Viễn - Nam Định		2x11	
5	Đường dây 220kV Nho Quan 500kV - Ninh Bình		2x26	Cải tạo nâng khả năng tải
6	Đường dây 220kV Ninh Bình 2 - nhiệt điện Nam Định 500kV		2x30	Xây mới, dây phân pha tiết diện lớn

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
7	Đường dây 220kV nhiệt điện Nam Định 500kV - Hậu Lộc		2x48	Xây mới (đoạn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có chiều dài dự kiến 8,2km)

C. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

I. Trạm biến áp

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện tại	Quy hoạch đến năm 2030	
I	Nâng cấp cải tạo			
1	Thành phố Ninh Bình	25+40	2x63	Cải tạo NCS
2	Ninh Phúc	2x25	2x63	Cải tạo NCS
3	Phúc Sơn	25+63	2x63	Cải tạo NCS
4	Tam Điệp	2x40	2x63	Cải tạo NCS
5	Nho Quan	2x25	2x63	Cải tạo NCS
6	Gián Khẩu	2x40	2x63	Cải tạo NCS
7	KCN Khánh Cư	2x25	2x63	Cải tạo NCS
II	Quy hoạch mới			
8	Thiên Tôn		40+63	
9	KCN Tam Điệp 2		2x63	
10	KCN Khánh Phú		2x63	
11	Tam Điệp NC		40	
12	Ninh Bình 2 NC		40	
13	Ninh Tiến		63	
14	Ninh Vân		40	
15	Rịa		2x40	
16	CCN Phú Sơn		2x40	
17	KCN Gián Khẩu 2		40	
18	Gia Thịnh		2x63	
19	KCN Xích Thổ		63	
20	Gia Viễn NC		40	
21	Nho Quan 2		40	
22	Yên Mô		40+63	
23	Yên Khánh		40+63	
24	KCN Kim Sơn		40+63	
25	Kim Sơn 2		63	
26	Yên Khánh 2		40	
27	Yên Mô 2		40	
28	KCN Phú Long		2x63	
29	XM Hệ Dưỡng 2		2x63	TBA chuyên dùng

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp phải căn cứ vào Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện phát triển thực tiễn và quy hoạch để lắp đặt máy biến áp phù hợp; đối với máy biến áp 110kV, tùy vào cấp điện áp trung áp khu vực đang sử dụng và phụ tải tại khu vực cấp điện để lắp đặt số cuộn dây và cấp điện áp phù hợp.

II. Đường dây

TT	Danh mục đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
I	Đường dây 110kV nâng cấp cải tạo			
1	Rẽ NĐ Ninh Bình - Ninh Phúc - Khánh Cư - Kim Sơn	2x30,5	2x30,5	Cải tạo nâng khả năng tải
2	Từ TBA 220kV Gia Viễn cấp điện cho các TBA 110kV Gián Khẩu, XM Vissai, XM Vanakansai	2x0,6	2x0,6	Cải tạo nâng khả năng tải; Xóa T; hoàn thiện sơ đồ đấu nối
3	Từ TBA 220kV Tam Điệp cấp điện cho các TBA 110kV Tam Điệp, XM Hướng Dương, XM Pomihóa	2x16,3	2x16,3	Cải tạo nâng khả năng tải; Xóa T; hoàn thiện sơ đồ đấu nối
4	Từ TBA 220kV Gia Viễn - TBA 220kV Ninh Bình và từ TBA 220kV Ninh Bình - 220kV Tam Điệp	2x38,7	2x38,7	Cải tạo nâng khả năng tải
5	NĐ Ninh Bình - 220kV Bim Sơn (Thanh Hóa)	2x41	2x41	Cải tạo nâng khả năng tải
6	Từ TBA 220kV Ninh Bình - 220kV Nho Quan	2x29,6	2x29,6	Cải tạo nâng khả năng tải
7	Từ TBA 220kV Ninh Bình - 220kV Thanh Nghị (Hà Nam)	2x33,8	2x33,8	Cải tạo nâng khả năng tải
8	Từ TBA 220kV Ninh Bình - 110kV Ý Yên, Trình Xuyên (Nam Định)	2x29,3	2x29,3	Cải tạo nâng khả năng tải
II	Đường dây 110kV xây dựng mới			
1	XT 220kV Ninh Bình 2 - Rẽ 110kV Ninh Phúc - Khánh Cư		4x2	
2	Xây dựng đường dây từ trạm biến áp 220kV Ninh Bình 2 đấu nối vào đường dây 110kV NĐ Ninh Bình		2x10	

TT	Danh mục đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
3	XT 220kV Tam Điệp - Rẽ 110kV Tam Điệp - XM Duyên Hà		4x0,6	
4	XT 220kV Tam Điệp - 110kV KCN Tam Điệp 2		2x12	
5	XT 220kV Gia Viễn - Rẽ 110kV từ TBA 220kV Ninh Bình - 110kV Gián Khẩu		4x0,5	
6	XT 220kV Gia Viễn - Rẽ 110kV từ TBA 220kV Ninh Bình - TBA 220kV Thanh Nghị		4x0,8	
7	XT 220kV Gia Viễn - Rẽ 110kV Gián Khẩu - Nho Quan		2x1,5	
8	XT 220kV Gia Viễn - 110kV KCN Gián Khẩu 2		2x0,5	
9	XT 220kV Nho Quan - Rẽ 110kV XM X18		2x9	
10	XT 220kV Nho Quan - 110kV Rịa		2x10,5	
11	XT 220kV Nho Quan - 110kV Yên Thủy (Hòa Bình)		2x15	
12	Rẽ TBA 110kV KCN Khánh Phú		2x0,5	
13	Rẽ TBA 110kV Yên Mô		2x6	
14	Rẽ TBA 110kV Yên Khánh		2x0,5	
15	Rẽ TBA 110kV Thiên Tôn		2x0,5	
16	Rẽ TBA 110kV Gia Thịnh		2x0,5	
17	Rẽ TBA 110kV XM Phú Sơn		2x0,8	
18	Rẽ TBA 110kV Kim Sơn 2		2x0,5	
19	110kV Kim Sơn - KCN Kim Sơn		2x10,7	
20	XT 220kV Tam Điệp - 110kV Ninh Vân		2x5	
21	Ninh Vân - Ninh Tiến		2x5	
22	Rẽ TBA 110kV XM Hệ Dưỡng 2		2x1	
23	KCN Xích Thổ - Rẽ 220kV Nho Quan - Gia Thịnh		2x8	
24	Rẽ TBA 110kV Nho Quan 2		2x7	
25	XT 220kV Ninh Bình 2 - Rẽ 110kV Kim Sơn - Nghĩa Hưng		2x18	

TT	Danh mục đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
26	Rẽ TBA 110kV Yên Khánh 2		2x5,3	
27	Rẽ TBA 110kV Yên Mô 2		2x6	
28	KCN Tam Điệp 2 - Phú Long		2x4	
29	Phú Long - Rịa		2x5	
30	KCN Kim Sơn - Rẽ 220kV Ninh Bình 2 - Kim Sơn (mạch 2)		2x10,7	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây 110kV căn cứ Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.



Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI, ĐỀ ĐIỀU, CẤP NƯỚC
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

A. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẤP NƯỚC

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m ³ /ngđ)	Địa điểm dự kiến và phạm vi dự án
A	CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ		
I	Nhà máy nước hiện có cải tạo, nâng công suất		
1	Nhà máy nước Tam Điệp (giai đoạn 2021-2030)	12.000 lên 25.000	Thành phố Tam Điệp và các địa phương liên quan
2	Nhà máy nước Hoàng Long (giai đoạn 2021-2030)	20.000 lên 40.000	Huyện Gia Viễn và các địa phương liên quan
II	Nhà máy nước xây mới		
1	Nhà máy nước Yên Đồng (giai đoạn 2021-2030)	40.000	Huyện Yên Mô và các địa phương liên quan
2	Nhà máy nước Nho Quan 2 (giai đoạn 2021-2030)	35.000	Huyện Nho Quan và các địa phương liên quan
3	Nhà máy nước Yên Đồng (Giai đoạn 2031-2050)	40.000 lên 80.000	Huyện Yên Mô và các địa phương liên quan
4	Nhà máy nước Nho Quan 2 (Giai đoạn 2031-2050)	35.000 lên 70.000	Huyện Nho Quan và các địa phương liên quan
B	CẤP NƯỚC NÔNG THÔN		
I	Nhà máy nước cải tạo, nâng cấp		
	Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn (giai đoạn 2021-2030)	Theo nhu cầu và khả năng nâng cấp	Các huyện, thành phố
II	Nhà máy nước xây mới		
1	Nhà máy nước Xuân Chính (giai đoạn 2021-2030)	6.000	Huyện Kim Sơn
2	Nhà máy nước Bình Minh (giai đoạn 2021-2030)	5.000	Huyện Kim Sơn
3	Nhà máy nước Ninh Vân		Huyện Hoa Lư
Các công trình cấp nước nông thôn và đô thị khác được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đảm bảo tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 85% được sử dụng nước sạch			

Ghi chú: Số lượng, tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án nêu trên và các công trình, dự án khác sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Ngoài ra, còn có các nhà máy nước, trạm cấp nước khác được xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.

B. DANH MỤC THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

STT	Danh mục	Địa điểm
1	Các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông tỉnh Ninh Bình	Các huyện, thành phố
2	Các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống kè bảo vệ đê sông, đê biển tỉnh Ninh Bình; xử lý khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai. Tu bổ, duy tu hệ thống đê điều hàng năm	Các huyện, thành phố
3	Các dự án đầu tư xây dựng nạo vét sông, tu bổ nâng cao cao trình chống lũ, xây mới hệ thống đê sông, đê biển, cống, trạm bơm, kênh mương, hồ đập, mở rộng công trình đầu mối thoát lũ nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, phòng chống lụt bão và xóa bỏ vùng phân lũ, chập lũ sông Hoàng Long tỉnh Ninh Bình	Các huyện, thành phố
4	Các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp các cống dưới đê sông, đê biển	Các huyện, thành phố
5	Các dự án nâng cấp hệ thống đê điều, thủy lợi tỉnh Ninh Bình thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Các huyện, thành phố

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Ngoài ra, còn có các dự án thủy lợi, đê điều xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.



Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Các khu xử lý	Địa điểm
I	Xây dựng mới	
1	Xây mới thêm 05 trạm xử lý nước thải thành phố Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
2	Xây mới 04 trạm xử lý nước thải thành phố Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp
3	Xây mới 03 trạm xử lý nước thải thị trấn Nho Quan	Thị trấn Nho Quan
4	Trạm xử lý nước thải đô thị Me	Thị trấn Me
5	Trạm xử lý nước thải đô thị Yên Ninh	Thị trấn Yên Ninh
6	Trạm xử lý nước thải đô thị Yên Thịnh	Thị trấn Yên Thịnh
7	Xây mới 02 trạm xử lý nước thải đô thị Phát Diệm	Thị trấn Phát Diệm
8	Trạm xử lý nước thải đô thị Bình Minh	Thị trấn Bình Minh
9	Các trạm xử lý nước thải tại các đô thị mới và các khu chức năng xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn	Các huyện, thành phố
II	Nâng cấp, cải tạo	
1	Trạm xử lý nước thải trung tâm thành phố Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình

Ghi chú: Số lượng, tên, vị trí, quy mô, công suất, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Ngoài ra, còn có các trạm xử lý nước thải khác được xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.



Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Nghĩa trang	Địa điểm	Ghi chú
I	Nghĩa trang		
1	Nghĩa trang cấp tỉnh tại thành phố Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp	Xây mới
2	Nghĩa trang cấp tỉnh tại huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan	Xây mới
3	Cơ sở hoá táng cấp tỉnh tại huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan	Xây mới
4	Các nghĩa trang trên địa bàn các huyện, thành phố được xác định theo quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện.	Các huyện, thành phố	Xây mới và cải tạo
II	Nhà tang lễ		
1	Nhà tang lễ tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	Hiện có
2	Xây dựng mới các Nhà tang lễ	Các huyện, thành phố	Xây mới

Ghi chú: Số lượng, tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Ngoài ra, còn có các công trình, dự án khác được xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.



Phụ lục XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ
CỨU NẠN CỨU HỘ TỈNH NINH BÌNH
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

★(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đơn vị	Địa điểm
1	Đội PCCC&CNCH Trung tâm TP. Ninh Bình - Đội 1	Thành phố Ninh Bình
2	Đội PCCC&CNCH Khu vực TP. Ninh Bình - Đội 2	Thành phố Ninh Bình
3	Đội PCCC&CNCH Hoa Lư	Thị trấn Thiên Tôn
4	Đội PCCC&CNCH trung tâm TP. Tam Điệp - Đội 1	Thành phố Tam Điệp
5	Đội PCCC&CNCH khu vực TP. Tam Điệp - Đội 2	Thành phố Tam Điệp
6	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Gián Khẩu	Huyện Gia Viễn
7	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Me	Huyện Gia Viễn
8	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Gia Lâm	Huyện Gia Viễn
9	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Nho Quan	Huyện Nho Quan
10	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Rịa	Huyện Nho Quan
11	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Yên Thịnh	Huyện Yên Mô
12	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Bút, Lồng	Huyện Yên Mô
13	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Yên Ninh	Huyện Yên Khánh
14	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Khánh Thiện	Huyện Yên Khánh
15	Đội PCCC&CNCH khu vực đô thị Khánh Thành	Huyện Yên Khánh
16	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Phát Diệm	Huyện Kim Sơn
17	Đội PCCC&CNCH khu vực thị trấn Bình Minh	Huyện Kim Sơn
18	Đội PCCC&CNCH khu vực Cồn Nổi	Huyện Kim Sơn
19	Đội PCCC&CNCH trên sông	Huyện Kim Sơn

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Trụ sở Đội cảnh sát PCCC & CNCH sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.



Phụ lục XIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô dự kiến đến năm 2030 (Giường)	Quy mô dự kiến đến năm 2050 (Giường)
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	1.500	2.000
2	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	300	500
3	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	180	200
4	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp	250	350
5	Bệnh viện Phổi tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	130	200
6	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	900	1.500
7	Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	100	200
8	Các cơ sở y tế, khám chữa bệnh tuyến huyện, xã	Các huyện, thành phố		
9	Cơ sở y tế tư nhân	Các huyện, thành phố		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục XIV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm	Ghi chú
A	Cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập		
I	Trường Mầm non	Xã, phường, thị trấn	Số lượng tối thiểu: 01 trường/xã, phường, thị trấn
II	Trường phổ thông		
1	Trường tiểu học	Xã, phường, thị trấn	Mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 trường tiểu học và 01 trường THCS hoặc 01 trường liên cấp Tiểu học và THCS công lập
2	Trường THCS	Xã, phường, thị trấn	
3	Trường trung học phổ thông	Huyện, thành phố	Duy trì và phát triển các trường THPT công lập
III	Trường đại học		
1	Trường Đại học Hoa Lư	Thành phố Ninh Bình	
IV	Các cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp	Các huyện, thành phố	Duy trì và phát triển các cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp
B	Cơ sở giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo định hướng phát triển	Các huyện, thành phố	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch cấp huyện, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục XV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cơ sở bảo trợ xã hội	Địa điểm dự kiến
1	Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội	Thành phố Ninh Bình
2	Trung tâm Phục hồi chức năng tâm thần	Huyện Yên Mô
3	Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nho Quan	Huyện Nho Quan
4	Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp
5	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình	Thành phố Tam Điệp
6	Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục XVI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến	Quy mô
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó có các dự án: Bảo tồn, tôn tạo, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa Khu di tích đặc biệt Cố đô Hoa Lư; Công viên lịch sử trung tâm Cố đô Hoa Lư; Các đề án phát triển văn hóa; Các khu chức năng phát triển công nghiệp văn hóa; Trung tâm tổ chức sự kiện...)	Các huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan và thành phố Ninh Bình	Theo Quy hoạch được duyệt
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Tràng An - Tam Cốc - Bích Động đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó có Khu Bảo tàng di sản Di sản...)	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan, thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp	Theo Quy hoạch được duyệt
3	Bảo tàng - thư viện tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	
4	Khu trung tâm thể thao tỉnh	Thành phố Ninh Bình	Theo Quy hoạch được duyệt
5	Nhà hát	Thành phố Ninh Bình	
6	Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa thể thao cấp tỉnh trọng điểm khác; Các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh	Tỉnh Ninh Bình	
7	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các thiết chế văn hóa thể thao cơ sở cấp huyện: Trung tâm văn hóa, cung thiếu nhi, thư viện,...	Tỉnh Ninh Bình	Khoảng 150 ha
8	Các dự án sân gôn theo định hướng phát triển của tỉnh (như: Sân gôn Tràng An; sân gôn 54 lỗ hồ Yên Thắng; sân gôn khu tổ hợp nghỉ dưỡng du lịch Kênh Gà - Vân Trình; các sân gôn tại huyện Kim Sơn, huyện Nho Quan...)	Tỉnh Ninh Bình	
9	Bảo tồn, giữ gìn và phát triển truyền thống văn hóa, lịch sử các dân tộc	Tỉnh Ninh Bình	
10	Các dự án thực hiện Chương trình MTQG về văn hóa	Tỉnh Ninh Bình	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích và danh mục dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện.



Phụ lục XVII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm	
1	Trung tâm thương mại	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
2	Siêu thị tổng hợp	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Trung tâm hội chợ triển lãm	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
II	Trung tâm dịch vụ Logistics	
1	Trung tâm logistics	Thành phố Ninh Bình
2	Trung tâm logistics	Thành phố Tam Điệp
3	Trung tâm logistics	Huyện Kim Sơn
III	Chợ	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
IV	Kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn.



Phụ lục XVIII
CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	Chỉ tiêu đến năm 2030 xác định trên cơ sở QĐ 326/QĐ-TTg		Nhu cầu của tỉnh đến năm 2030	
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	CÁC LOẠI ĐẤT						
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		141.178,14	141.178,14^(a)	100,00	141.186,00^(b)	100,00
1	Đất nông nghiệp*	NNP	99.518,50	91.394,14	64,73	79.000,34	55,96
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa*	LUA	44.792,39	36.798,00	26,06	29.714,14	21,05
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước*</i>	<i>LUC</i>	<i>32.515,25</i>	<i>30.055,00</i>	<i>21,29</i>	<i>21.701,64</i>	<i>15,37</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10.011,33	9.100,20	6,45	7.486,98	5,30
1.3	Đất rừng phòng hộ*	RPH	8.374,12	8.029,00	5,69	8.029,00	5,69
1.4	Đất rừng đặc dụng*	RDD	16.514,57	16.627,00	11,78	16.627,00	11,78
1.5	Đất rừng sản xuất*	RSX	3.740,18	2.944,00	2,09	2.944,00	2,09
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên*</i>	<i>RSN</i>	<i>42,57</i>	<i>42,57</i>	<i>0,03</i>		
2	Đất phi nông nghiệp*	PNN	36.966,12	47.347,00	33,54	59.858,39	42,39
2.1	Đất quốc phòng*	CQP	1.251,52	1.589,00	1,13	1.590,60	1,13
2.2	Đất an ninh*	CAN	422,17	595,00	0,42	574,00 ^(c)	0,41
2.3	Đất khu công nghiệp*	SKK	814,45	1.872,00	1,33	2.813,30	1,99
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	363,88	1.103,73	0,78	1.253,73	0,89
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	619,93	1.636,56	1,16	3.594,24	2,55
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.223,73	1.340,26	0,95	2.363,85	1,67
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	218,22	451,62	0,32	615,41	0,44
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh*	DHT	14.350,53	18.147,00	12,85	25.552,19	18,10
	Trong đó:						
	<i>Đất giao thông*</i>	<i>DGT</i>	<i>8.785,68</i>	<i>11.064,00</i>	<i>7,84</i>	<i>15.280,49</i>	<i>10,82</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>4.320,54</i>	<i>4.890,35</i>	<i>3,46</i>	<i>5.004,90</i>	<i>3,54</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa*</i>	<i>DVH</i>	<i>192,52</i>	<i>538,00</i>	<i>0,38</i>	<i>623,29</i>	<i>0,44</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế*</i>	<i>DYT</i>	<i>88,92</i>	<i>124,00</i>	<i>0,09</i>	<i>162,16</i>	<i>0,11</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*</i>	<i>DGD</i>	<i>509,78</i>	<i>707,00</i>	<i>0,50</i>	<i>800,51</i>	<i>0,57</i>



TT	Chi tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	Chi tiêu đến năm 2030 xác định trên cơ sở QĐ 326/QĐ-TTg		Nhu cầu của tỉnh đến năm 2030	
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*</i>	<i>DTT</i>	<i>329,89</i>	<i>577,00</i>	<i>0,41</i>	<i>964,01</i>	<i>0,68</i>
	<i>Đất công trình năng lượng*</i>	<i>DNL</i>	<i>55,86</i>	<i>103,00</i>	<i>0,07</i>	<i>227,40</i>	<i>0,16</i>
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông*</i>	<i>DBV</i>	<i>5,93</i>	<i>14,00</i>	<i>0,01</i>	<i>17,18</i>	<i>0,01</i>
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	DKG		18,00	0,01	18,00	0,01
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	DDT	229,34	323,00	0,23	323,00	0,23
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải*	DRA	47,50	118,00	0,08	153,32	0,11
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	183,06	287,40	0,20	314,88	0,22
2.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1.498,95	1.687,29	1,20	1.714,37	1,21
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	12,99	12,99	0,01	13,39	0,01
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	5.775,65	6.905,70	4,89	9.079,01	6,43
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	1.329,00	2.068,41	1,47	2.344,94	1,66
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	164,32	194,56	0,14	252,27	0,18
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,88	16,02	0,01	26,73	0,02
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
3	<i>Đất chưa sử dụng*</i>	<i>CSD</i>	<i>4.693,52</i>	<i>2.437,00</i>	<i>1,73</i>	<i>2.327,27</i>	<i>1,65</i>
4	<i>Đất đô thị*</i>	<i>KDT</i>	<i>9.770,90</i>	<i>19.901,00</i>	<i>14,10</i>	<i>19.901,00</i>	<i>14,10</i>
II	KHU CHỨC NĂNG						
1	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	60.359,75	50.685,59	35,90	38.391,93	27,19
2	Khu lâm nghiệp	KLN	28.628,87	27.600,00	19,55	27.600,00	19,55
3	Khu du lịch	KDL	6.226,00	8.513,81	6,03	8.513,81	6,03
4	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	13.672,12	13.784,55	9,76	13.784,55	9,76
5	Khu phát triển công nghiệp	KPC	1.178,33	2.975,73	2,11	4.067,03	2,88
6	Khu đô thị	DTC	30,86	1.032,55	0,73	1.032,55	0,73
7	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	619,93	1.636,56	1,16	3.594,24	2,55
8	Khu dân cư nông thôn	DNT	14.439,13	17.264,26	12,23	17.264,26	12,23

Ghi chú:

- (3) Mã loại đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.
- (*) Chi tiêu phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- Các chi tiêu còn lại được xác định theo điểm b, mục 7, Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 (trên cơ sở chi tiêu đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).
- Đất đô thị và Khu chức năng không cộng tổng khi tính diện tích tự nhiên.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã phân bổ cho các địa phương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền. Chỉ tiêu đất quốc phòng, an ninh được thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- (a) Diện tích tự nhiên của tỉnh Ninh Bình theo thống kê đất đai đến 31/12/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cung cấp tăng 60,14ha (tăng 60,14ha đất nông nghiệp) so với tổng diện tích tại phụ lục 25. Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

- (b) Theo số liệu hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2020 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 141.178,14ha; Số liệu tổng diện tích tự nhiên của tỉnh năm 2023 là 141.186,00ha (tăng 7,86ha so với năm 2020) do ngành Tài nguyên Môi trường rà soát lại diện tích đất đai của các đơn vị hành chính cấp huyện phục vụ việc xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2023 - 2025.

- (c) theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.



Phụ lục XIX
PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
A	VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT	
I	Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.	
1	Khu dân cư tập trung tại đô thị Ninh Bình (Đến năm 2030 - đô thị loại I)	Thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn và vùng thuộc quy hoạch
2	Khu dân cư tập trung tại thành phố Tam Điệp (Đến năm 2030 - đô thị loại II)	Thành phố Tam Điệp
II	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	
1	Các lưu vực sông hiện đang cấp nước sinh hoạt cho địa phương theo quy định của pháp luật	
2	Nguồn nước mặt tại hồ: - Diện tích mặt nước và diện tích phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (tính từ vị trí khai thác nước của công trình về phía thượng lưu 800 m, về phía hạ lưu 200m) của các hồ dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt có công trình khai thác nước với quy mô trên 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000m ³ /ngày đêm. - Diện tích mặt nước và diện tích phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (tính từ vị trí khai thác nước của công trình về phía thượng lưu 1000m, về phía hạ lưu 200m) của các hồ dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt có công trình khai thác nước với quy mô từ 50.000 m ³ /ngày đêm trở lên.	
3	Nguồn nước ngầm; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt khai thác của công trình khai thác nước dưới đất (20 m tính từ miệng giếng đối với công trình khai thác nước dưới đất để cấp cho sinh hoạt quy mô trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm và 30 m tính từ miệng giếng đối với công trình khai thác nước dưới đất để cấp cho sinh hoạt quy mô trên 3.000 m ³ /ngày đêm trở lên).	
III	Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản	
1	Vườn Quốc gia Cúc Phương (Phần trên địa phận tỉnh Ninh Bình)	Huyện Nho Quan
2	Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	Huyện Gia Viễn

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
IV	Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa	
1	Khu vực bảo vệ 1 của Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Núi Non Nước, thành phố Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
2	Khu vực bảo vệ 1 của Khu di sản thế giới Quần thể danh thắng Tràng An đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, thành phố Ninh Bình
3	Các di tích đã được xếp hạng	Tỉnh Ninh Bình
B	VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI	
I	Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt	
1	Vùng đệm bao quanh Khu di sản Quần thể danh thắng Tràng An	Các huyện: Hoa Lư, Gia Viễn, Nho Quan; thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp
2	Khu vực vùng đệm của Vườn Quốc gia Cúc Phương (phần trên địa bàn tỉnh Ninh Bình)	Huyện Nho Quan
3	Khu vực vùng đệm của Khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	Huyện Gia Viễn
4	Khu vực rừng phòng hộ	Tỉnh Ninh Bình
II	Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị	Tại các huyện, thành phố
C	VÙNG KHÁC (khu vực còn lại trên địa bàn)	Tại các huyện, thành phố



Phụ lục XX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu bảo tồn	Vị trí
1	Khu dự trữ sinh quyển thế giới Châu thổ sông Hồng (phần diện tích thuộc tỉnh Ninh Bình)	Theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt
2	Vườn Quốc gia Cúc Phương	Huyện Nho Quan
3	Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	Huyện Gia Viễn
4	Khu rừng Văn hóa, Lịch sử và Môi trường Hoa Lư	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan, thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp (nằm trong phạm vi, ranh giới Khu rừng được cấp có thẩm quyền xác định)



Phụ lục XXI
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Các mỏ khoáng sản chưa hoặc đang khai thác cần cấm khai thác, bảo vệ

STT	Loại khoáng sản	Số lượng mỏ	Ghi chú
1	Đất sét, sét gạch ngói	01	Bảo vệ hành lang an toàn và cảnh quan hai bên đường cao tốc Mai Sơn - QL 45. (*) Trong đó có 1 mỏ chưa khai thác không (huy động) đưa vào quy hoạch
2	Đá xây dựng thông thường	02(*)	
3	Đá, đất hỗn hợp làm vật liệu san lấp	02	

II. Các mỏ khoáng sản quy hoạch thăm dò, khai thác

STT	Loại khoáng sản	Số lượng	Ghi chú
A	Phân tán, nhỏ lẻ		
1	Than	01	Mỏ đang khai thác
2	Antimon	01	Mỏ đã cấp phép thăm dò và chưa cấp phép khai thác
B	Vật liệu xây dựng thông thường		
3	Mỏ hiện trạng		
3.1	Đất sét, sét gạch ngói	19	9 mỏ đã cấp phép khai thác (còn trữ lượng) và 10 mỏ đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng mà chưa cấp phép khai thác
3.2	Đá xây dựng thông thường	38	32 mỏ đã cấp phép khai thác (còn trữ lượng), 6 mỏ đã cấp phép thăm dò hoặc phê duyệt trữ lượng mà chưa cấp phép khai thác
3.3	Đá, đất hỗn hợp làm vật liệu san lấp	22	14 mỏ đã cấp phép khai thác (còn trữ lượng), 8 mỏ đã cấp phép thăm dò hoặc phê duyệt trữ lượng mà chưa cấp phép khai thác
4	Quy hoạch mỏ mới		
4.1	Đất sét, sét gạch ngói	-	Các khu vực quy hoạch mỏ mới sẽ xác định theo nhu cầu, kế hoạch khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh
4.2	Đá xây dựng thông thường	-	
4.3	Đá, đất hỗn hợp làm vật liệu san lấp	-	

STT	Loại khoáng sản	Số lượng	Ghi chú
C	Vật liệu xây dựng		
5	Mỏ hiện trạng		
5.1	Đá dolomit	02	2 mỏ đã cấp phép khai thác
5.2	Sét xi măng	06	6 mỏ đã cấp phép khai thác
5.3	Đá vôi xi măng	08	7 mỏ đã cấp phép khai thác, 1 mỏ đã cấp phép thăm dò mà chưa cấp phép khai thác
5.4	Đá vôi sản xuất vôi công nghiệp	-	
6	Quy hoạch mỏ mới		
6.1	Đá dolomit	-	Các khu vực quy hoạch mỏ mới đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt
6.2	Sét xi măng	-	
6.3	Đá vôi xi măng	-	
6.4	Đá vôi sản xuất vôi công nghiệp	-	
D	Nước khoáng, nước nóng thiên nhiên		
7.1	Nước khoáng	01	1 mỏ đã cấp phép khai thác
7.2	Quy hoạch mỏ mới	-	Các khu vực quy hoạch mỏ mới đảm bảo tuân thủ theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các mỏ khoáng sản (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của Tỉnh và các quy định hiện hành.

- Đối với các dự án khai thác khoáng sản đã được cấp giấy phép khai thác mà chưa phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh nhưng còn thời hạn khai thác thì được thực hiện đảm bảo không quá thời gian, trữ lượng ghi trong giấy phép; khuyến khích các chủ đầu tư dừng khai thác và thực hiện chuyển đổi mục tiêu đầu tư trước thời hạn theo giấy phép đã được cấp để thực hiện phát triển theo đúng định hướng Quy hoạch tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh khoanh vùng và xây dựng các cơ chế, chính sách để thực hiện theo đúng định hướng Quy hoạch nhất là các khu vực có các dự án hiện nay đang mâu thuẫn với định hướng phát triển của tỉnh.

- Đối với một số khu vực (mỏ) khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình phụ trợ cho khai thác mỏ như đường kết nối vào mỏ, khu nghiền sàng, chế biến khoáng sản... sẽ được xác định tại quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch xây dựng và trong quá trình lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ.



Phụ lục XXII
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	GIAO THÔNG	
1	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 1)	Huyện Kim Sơn
2	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	Huyện Kim Sơn
3	Xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 1)	Huyện Nho Quan, TP Tam Điệp
4	Xây dựng tuyến đường Đông - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	Huyện Yên Mô, huyện Kim Sơn
5	Xây dựng tuyến đường ĐT.482 kết nối quốc lộ 1A với quốc lộ 10 và kết nối quốc lộ 10 với quốc lộ 12B	Huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn
6	Xây dựng tuyến đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam) đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	Huyện Gia Viễn
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trình (giai đoạn II)	Huyện Gia Viễn
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường T21 (đường Lê Duẩn), giai đoạn I	Thành phố Ninh Bình
9	Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 12B với Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Tu đến cầu Cọ, huyện Yên Mô	Huyện Yên Mô
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT481B (đoạn ngã ba Thông đến ngã tư Khánh Nhạc)	Huyện Yên Khánh
11	Xây dựng tuyến đường du lịch kết hợp phát triển đô thị từ thị trấn Thiên Tôn đến cố đô Hoa Lư	Huyện Hoa Lư
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Nho Quan - Tam Điệp (Quỳnh Lưu - QL38B - Yên Sơn) theo quy hoạch đường tỉnh ĐT.478C	Huyện Nho Quan, TP Tam Điệp
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT477C đoạn từ Km4+300 (cầu Thống Nhất) đến Km9+800 (đê hữu Hoàng Long), huyện Gia Viễn	Huyện Gia Viễn
14	Nâng cấp, mở rộng cao tốc CT.01	Điểm đầu: Ninh Phúc - Ninh Bình; Điểm cuối: Quang Sơn - Tam Điệp
15	Xây dựng cao tốc CT.08	Điểm đầu: Giao CT Bắc Nam; Điểm cuối: Huyện Yên Khánh
16	Xây dựng và nâng cấp QL.45	Điểm đầu: Gia Vượng - Gia Viễn; Điểm cuối: Phú Long - Nho Quan

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
17	Xây dựng và nâng cấp QL.12B	Điểm đầu: Quang Thiện - Kim Sơn; Điểm cuối: Thành phố Tam Điệp
18	Xây dựng và nâng cấp QL.38B	Điểm đầu: Ninh Khang - Hoa Lư; Điểm cuối: Quỳnh Lư - Nho Quan
19	Xây dựng và nâng cấp QL.37C	Điểm đầu: Gia Trấn - Gia Viễn; Điểm cuối: Xích Thổ - huyện Nho Quan
20	Xây dựng tuyến đường ĐT.476 đoạn qua thành phố Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
21	Nâng cấp đường ĐT.477 đoạn từ thị trấn Me đến huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn
22	Xây dựng đường tỉnh ĐT.477B	Huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn
23	Xây dựng đường tỉnh ĐT.477D	Huyện Gia Viễn
24	Xây dựng đường tỉnh ĐT.478B	Thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư
25	Xây dựng đường tỉnh ĐT.478C	Huyện Hoa Lư
26	Xây dựng đường tỉnh ĐT.479	Huyện Hoa Lư, huyện Nho Quan
27	Xây dựng và nâng cấp đường tỉnh ĐT.479D	Huyện Nho Quan
28	Xây dựng và nâng cấp đường tỉnh ĐT.480C	Huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh
29	Xây dựng đường tỉnh ĐT.481	Huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh
30	Xây dựng tuyến đường ĐT.481B	Huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn
31	Xây dựng tuyến đường ĐT.481C	Huyện Yên Khánh
32	Xây dựng đường tỉnh ĐT.482B	Huyện Kim Sơn
33	Xây dựng đường tỉnh ĐT.482C	Thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn
34	Xây dựng đường tỉnh ĐT.482G	Huyện Yên Khánh
35	Xây dựng, nâng cấp đường tỉnh ĐT.483	Thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh
36	Xây dựng, nâng cấp đường tỉnh ĐT.483B	Huyện Yên Mô, huyện Yên Khánh
37	Xây dựng, nâng cấp đường tỉnh ĐT.483C	Điểm đầu: xã Lai Thành-Kim Sơn; Điểm cuối: Ninh Sơn - Ninh Bình
38	Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Vân và đường dẫn phía Tây sông Vân, tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
39	Xây dựng cầu vượt sông Bôi phục vụ ứng cứu di dân và phát triển kinh tế vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan - Gia Viễn	Huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn
40	Xây dựng đường sắt tốc độ cao	Tỉnh Ninh Bình
41	Xây dựng cảng khách Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
42	Xây dựng cảng khách Gia Sinh	Huyện Gia Viễn
43	Xây dựng cảng Phát Diệm	Huyện Kim Sơn
44	Xây dựng cảng Ninh Phúc 2 (gồm cảng Phúc Lộc)	Thành phố Ninh Bình
45	Xây dựng cảng KCN Gián Khẩu	Huyện Gia Viễn
46	Xây dựng mới cầu Tràng Km3+464, đường tỉnh ĐT.480C, tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh, huyện Yên Mô
47	Xây dựng tuyến đường tỉnh 483B (nối từ nút giao Khánh Hòa tới thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô giai đoạn I nối từ 482C tới Thị trấn Yên Thịnh)	Huyện Yên Khánh, huyện Yên Mô
48	Các công trình, dự án khác theo quy hoạch giao thông, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
II	CẤP NƯỚC	
1	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp và các địa phương có liên quan
2	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Hoàng Long	Huyện Gia Viễn và các địa phương có liên quan
3	Xây dựng Nhà máy nước Nho Quan 2	Huyện Nho Quan và các địa phương có liên quan
4	Xây dựng Nhà máy nước Yên Đồng 1,2	Huyện Yên Mô và các địa phương có liên quan
5	Xây dựng Nhà máy nước Xuân Chính	Huyện Kim Sơn
6	Xây dựng Nhà máy nước Bình Minh	Huyện Kim Sơn
7	Xây dựng Nhà máy nước Ninh Vân	Huyện Hoa Lư
8	Các dự án cải tạo, nâng công suất, đầu tư xây mới, đổi mới công nghệ các nhà máy cấp nước đô thị, nông thôn hiện có	Các huyện, thành phố
III	THỦY LỢI, ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	
1	Cụm công trình thủy lợi Nam sông Vân	Thành phố Ninh Bình và huyện Yên Khánh
2	Đầu tư nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi 8 xã miền núi phía Đông Bắc huyện Nho Quan và kè chống sạt lở bờ sông Chanh	Huyện Nho Quan
3	Dự án xây dựng tuyến đê biển Bình Minh 4 giai đoạn 1,2 huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn
4	Đầu tư xây dựng kè Cồn Nổi	Huyện Kim Sơn
5	Nâng cấp tuyến đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp giao thông đoạn từ Bái Đính - Kim Sơn	Huyện Kim Sơn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
6	Mở rộng, nâng cấp bờ vùng Bắc Rịa đảm bảo phòng chống lụt bão cho 3 xã hữu sông Hoàng Long, huyện Gia Viễn và một số xã huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan
7	Nạo vét cấp bách sông tiêu 5 xã phục vụ tưới tiêu liên huyện Yên Khánh - Kim Sơn, kết hợp nâng cấp bờ thành đường giao thông phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh	Huyện Yên Khánh
8	Nâng cấp tuyến đê Năm Căn (đoạn từ cầu Nho Quan đến cầu Sui) kết hợp giao thông và phòng chống thiên tai, bảo vệ khu dân cư 5 xã và thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan
9	Nạo vét cấp bách sông Đầm Vân, đoạn từ đường Bái Đính - Kim Sơn (xã Khánh Hải) đến cống Đầm Vân (xã Khánh Vân) kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ, cứu nạn phục vụ phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh	Huyện Yên Khánh
10	Nâng cấp đê Nam sông Rịa, đê sông Bến Đang đảm bảo ứng cứu, phòng, chống thiên tai, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội các xã phía Đông Nam huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan
11	Nâng cấp sông trục cống thôn Năm và các công trình trên tuyến huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh
12	Nâng cấp cải tạo hệ thống các trạm bơm khu Tả Vạc, tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Khánh
13	Xây dựng hệ thống trạm bơm và hệ thống cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản từ BM1 đến BM3	Huyện Kim Sơn
14	Nâng cấp, cải tạo 04 tuyến gạt lũ Phong Thành, Kênh Giáy, Gia Tường, Lạc Vân	Huyện Nho Quan
15	Xử lý ô nhiễm, sửa chữa, nâng cấp hồ Yên Quang 1,2,3,4	Huyện Nho Quan
16	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống hồ Yên Đồng, Yên Thắng huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô
17	Xử lý đột xuất, sạt lở bờ sông kết hợp giao thông Kênh Gà xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn	Huyện Gia Viễn
18	Xử lý cấp bách sạt lở đê bao Hoàng Long và tuyến đường tránh lũ xã Đức Long, huyện Nho Quan	Huyện Nho Quan
19	Nạo vét, tu bổ khẩn cấp tuyến kênh trục chính Tiên Hoàng tiêu cho huyện Yên Khánh và Kim Sơn	Huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn
20	Nâng cấp, mở rộng tuyến thoát lũ, kè chống sạt lở bờ tả, hữu sông Hoàng Long, trồng tre chắn sóng đoạn từ cầu Trường Yên đến cầu Gián	Huyện Gia Viễn
21	Kè bờ bao sông Bôi sông Na (Đoạn từ ông Hiến đến sau nhà thờ Liên Phương, đoạn từ vườn tre lên Bền tập kết vật liệu, đoạn từ ông Hiến đến cầu Liên Phương, đoạn từ trạm nước sạch lên giáp Gia Sơn)	Huyện Nho Quan
22	Kè bờ bao sông Bôi, sông Na (Đoạn Âu bơm máy dầu, đoạn thôn Minh Hồng, đoạn bãi màu khu vực gốc sung thôn Minh	Huyện Nho Quan

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
	Long, đoạn từ màu phía bắc trạm bơm thôn Lạc Long, đoạn bãi màu thôn Trung chính, đoạn bãi màu thôn Quyết Thắng)	
23	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước ngọt từ sông Vạc đến các xã, thị trấn tiêu khu III, IV, V và khu vực ngoài đê Bình Minh II	Huyện Kim Sơn
24	Mở rộng, nâng cấp bờ vùng Bắc Rịa đảm bảo phòng chống lụt bão cho 3 xã hữu sông Hoàng Long	Huyện Gia Viễn, Nho Quan
25	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Gia Tân và hoàn thành cơ sở hạ tầng về đích nông thôn mới	Huyện Gia Viễn
26	Nâng cấp hệ thống kênh tiêu Thành Hồ, xã Yên Thái	Huyện Yên Mô
27	Nâng cấp tuyến đê Cầu Đăng	Huyện Yên Mô
28	Kiên cố hóa bờ kênh gạt lũ và kết hợp nâng cấp bê tông hóa mặt đê phía Nam sông Bến Đàng	TP Tam Điệp
29	Nâng cấp cống Sa Bò kết hợp làm đường nội đồng	Huyện Yên Mô
30	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Đông và hệ thống kênh xã Gia Thanh	Huyện Gia Viễn
31	Nạo vét sông Đầm Vân đoạn từ đường Bái Đình đến cống Đầm Vân kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ cứu nạn	Huyện Yên Khánh
32	Đầu tư xây dựng nâng cấp hồ điều tiết cống thượng lưu C10	Huyện Kim Sơn
33	Nâng cấp tuyến đê Năm Căn kết hợp giao thông và PCTT	Huyện Nho Quan
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bao sông Hoàng Long Cụt	Huyện Gia Viễn
35	Kiên cố hóa kênh tưới, tiêu kết hợp đường cứu hộ cứu nạn từ đường 481C đến đê hữu Đáy	Huyện Yên Khánh
36	Đầu tư, nâng cấp trạm bơm Liễu Tường, xã Khánh Cường	Huyện Yên Khánh
37	Đầu tư xây dựng trạm bơm Quy Hậu	Huyện Kim Sơn
38	Đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đoạn cuối sông Cà Mâu	Huyện Kim Sơn
39	Đầu tư xây dựng hệ thống chủ động xả lũ tràn Đức Long	Huyện Nho Quan
40	Đầu tư xây dựng điểm dịch vụ du lịch Hoàng Long khu vực ngoài bãi sông Hoàng Long	Huyện Hoa Lư
41	Trạm bơm Âu Lê	Huyện Gia Viễn
42	Xây dựng hệ thống trạm bơm và hệ thống cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản từ BM 1 đến BM 3	Huyện Kim Sơn
43	Các dự án vốn vay ADB và WB	Tỉnh Ninh Bình
44	Nạo vét cửa Đáy và các khu vực có liên quan đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương (như: phòng chống lụt bão, tàu có trọng tải lớn ra vào, tận thu khoáng sản theo quy định nếu có...)	Huyện Kim Sơn
45	Các dự án đột xuất, khẩn cấp, cần thiết khác	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
IV	NÔNG NGHIỆP	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản ruộng trũng giai đoạn 2, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống hàu và thủy sản	Huyện Kim Sơn
3	Phục hồi và quản lý bền vững rừng ngập mặn vùng Đồng bằng Sông Hồng	Huyện Kim Sơn
4	Các dự án trồng rừng phòng hộ	Huyện Kim Sơn
5	Dự án quản lý rừng bền vững tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản ở vùng chiêm trũng huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	Huyện Gia Viễn
7	Các dự án xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn khác theo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
V	CÔNG NGHIỆP	
1	Khu mở rộng khu công nghiệp Gián Khẩu (35ha)	Huyện Gia Viễn
2	Khu công nghiệp Tam Điệp II	Thành phố Tam Điệp
3	Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Phú Long	Huyện Nho Quan
4	Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Gián Khẩu II	Huyện Gia Viễn
5	Khu công nghiệp Yên Bình	Huyện Yên Mô
6	Khu công nghiệp Kim Sơn	Huyện Kim Sơn
7	Cụm công nghiệp Trung Sơn	Thành phố Tam Điệp
8	Cụm công nghiệp Chát Bình	Huyện Kim Sơn
9	Cụm công nghiệp Khánh Lợi	Huyện Yên Khánh
10	Cụm công nghiệp Khánh Lợi II	Huyện Yên Khánh
11	Cụm công nghiệp Ninh Vân	Huyện Yên Mô, huyện Hoa Lư
12	Cụm công nghiệp Gia Phú - Liên Sơn	Huyện Gia Viễn
13	Cụm công nghiệp Yên Lâm	Huyện Yên Mô
14	Đầu tư xây dựng phát triển làng nghề gốm cổ truyền Bô Bát	Huyện Yên Mô
VI	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ	
1	Đầu tư xây dựng Trường Đại học Hoa Lư	Thành phố Ninh Bình
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục theo định hướng quy hoạch	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Đầu tư xây dựng, cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh)	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
VII	Y TẾ, XÃ HỘI	
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các đơn vị y tế dự phòng, bệnh viện tuyến tỉnh; bệnh viện và trung tâm y tế tuyến huyện; các cơ sở y tế tư nhân	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
2	Đầu tư xây dựng trung tâm điều dưỡng, phục hồi chức năng, bảo trợ xã hội, cai nghiện, trung tâm điều dưỡng,...	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
VIII	VĂN HÓA - THỂ DỤC THỂ THAO	
1	Xây dựng quảng trường và tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế	Thành phố Ninh Bình
2	Bảo tồn, tôn tạo, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa Khu di tích đặc biệt Cổ đô Hoa Lư	Huyện Hoa Lư
3	Đầu tư xây dựng tổ hợp Bảo tàng - Thư viện tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
4	Xây dựng CSHT khu du lịch sinh thái Tràng An và các dự án thành phần	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, Thành phố Ninh Bình
5	Khu trung tâm thể dục thể thao tỉnh	Thành phố Ninh Bình
6	Nhà hát	Thành phố Ninh Bình
7	Các dự án ưu tiên thực hiện thuộc nội dung của Quy hoạch bảo quản tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan và Thành phố Ninh Bình
8	Các dự án khu, điểm sinh hoạt văn hóa và thể thao theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
IX	DU LỊCH	
1	Khu du lịch Vườn Quốc gia Cúc Phương	Huyện Nho Quan
2	Khu du lịch quốc gia Kênh Gà - Vân Trình	Huyện Gia Viễn
3	Khu trung tâm liên hợp du lịch và thể thao sân golf 54 lỗ hồ Yên Thắng	Huyện Yên Mô, thành phố Tam Điệp
4	Khu vực Cồn Nổi, Kim Sơn	Huyện Kim Sơn
5	Khu vực du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Yên Đồng, Yên Thắng	Huyện Yên Mô
6	Xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Resort	Huyện Hoa Lư
7	Xây dựng tổ hợp dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí	Huyện Hoa Lư
8	Các dự án bảo tồn tôn tạo, phát huy giá trị Khu di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An	Huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, thành phố Ninh Bình
9	Các dự án ưu tiên thực hiện theo Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Tràng An - Tam Cốc - Bích Động đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các huyện: Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp
10	Các dự án phát triển các tuyến, điểm, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình
X	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ	
1	Trung tâm hội chợ triển lãm và các dự án đầu tư	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
2	Xây mới và phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tương ứng với hệ thống đô thị	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
3	Xây dựng trung tâm Logistics Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
4	Xây dựng trung tâm Logistics Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp
5	Xây dựng trung tâm Logistics Kim Sơn	Huyện Kim Sơn
6	Các dự án đầu tư thương mại dịch vụ khác theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
XI	ĐÔ THỊ	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
1	Xây dựng trung tâm hành chính tập trung tỉnh Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
2	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ - Tiêu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Huyện Kim Sơn
3	Cải thiện cơ sở hạ tầng để công nhận, nâng loại các đô thị và các dự án cơ sở hạ tầng theo quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
4	Các dự án phát triển nhà ở, dự án phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh
5	Các dự án cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị Ninh Bình phục vụ xây dựng đô thị di sản thiên nhiên kỳ	Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh

Ghi chú:

- Số lượng, tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên và các dự án khác đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo định hướng quy hoạch sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, kỹ thuật chuyên ngành và lập dự án đầu tư.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và các quy hoạch do địa phương quyết định, phê duyệt hoặc các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt có thể bổ sung cho phù hợp với nhu cầu ưu tiên thực hiện dự án của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cam kết không hợp pháp hóa các dự án sai phạm. Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, bản án (nếu có) thì chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.



Phụ lục XXIII
DANH MỤC SƠ ĐỒ QUY HOẠCH
TỈNH NINH BÌNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	TÊN BẢN ĐỒ	TỶ LỆ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1/50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1/50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1/50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	
4.1	Sơ đồ phương án phát triển mạng lưới giao thông	1/50.000
4.2	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1/50.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1/50.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1/50.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	
7.1	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	1/50.000
7.2	Sơ đồ phương án phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1/50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	
8.1	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện	1/100.000
8.2	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện	1/100.000